

Số: 408-21/QĐ-DSG-ĐT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tập trung  
Ngành Thiết kế công nghiệp - Mã ngành 7210402 - Khóa học 2021 - 2025

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 57/2004/QĐ-TTg ngày 06/04/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg ngày 16/03/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Tp. Hồ Chí Minh thành Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 4488/QĐ-BGDĐT ngày 19/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 622-17/QĐ-DSG-ĐT ngày 29/12/2017 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc ban hành Quy trình điều chỉnh, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, và chuẩn đầu ra;

Căn cứ Quyết định số 430-20/QĐ-DSG-ĐT ngày 24/09/2020 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trường khoa Design;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tập trung ngành Thiết kế công nghiệp - Mã ngành 7210402 - Khóa học 2021 - 2025 theo các hướng chuyên ngành cụ thể như sau:

- Chuyên ngành Thiết kế Sản phẩm;
- Chuyên ngành Thiết kế Thời trang;
- Chuyên ngành Thiết kế Đồ họa;
- Chuyên ngành Thiết kế Nội thất.

(Chương trình đào tạo chi tiết đính kèm).

**Điều 2.** Các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. ✓

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Lưu: PĐT, HV (4). ✓

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
CÔNG NGHỆ  
SÀI GÒN  
\*PGS, TS. Cao Hào Thi

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

### 1. Thông tin chung

- [1] Tên chương trình: Cử nhân Thiết kế Công nghiệp
- [2] Trình độ đào tạo: Đại học
- [3] Ngành đào tạo: **THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP**
- [4] Chuyên ngành đào tạo: Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế Sản phẩm  
Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế Thời trang  
Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế Đồ họa  
Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế Nội thất
- [5] Mã ngành đào tạo: [7210402]
- [6] Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
- [7] Khóa học: 2021 - 2025
- [8] Tên Khoa: Khoa Design
- [9] Trường cấp bằng: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn
- [10] Cơ sở tổ chức giảng dạy: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

### 2. Mục tiêu đào tạo

#### [1] Mục tiêu chung:

- + Mục tiêu và nhiệm vụ của Khoa Design, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực thiết kế, đáp ứng các nhu cầu mới của thị trường và môi trường thiết kế công nghiệp hiện đại của Việt Nam, đặc biệt là khu vực phía Nam.
- + Hệ đại học và cao đẳng chính quy ngành Design đào tạo ra những nhà thiết kế đa năng, chuyên nghiệp và sáng tạo, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương ứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe và đáp ứng được yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước.

#### [2] Chuẩn đầu ra:

- + Kiến thức:
  - CDR\_A.01: Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, khả năng học tập ở trình độ cao hơn.
  - CDR\_A.02: Có trình độ tin học tương đương trình độ B; có khả năng thiết kế, có khả năng sử dụng tốt các phần mềm chuyên về thiết kế:
    - Chuyên ngành Đồ họa: Adobe Photoshop, Illustrator, Corel Draw
    - Chuyên ngành Nội thất: Auto CAD, 3DS Max, Adobe Photoshop, Sketch up
    - Chuyên ngành Tạo dáng: Auto CAD, 3DS Max, Rhino
    - Chuyên ngành Thời trang: Adobe Photoshop, Illustrator, In Design
  - CDR\_A.03: Hiểu biết các kiến thức cơ bản về mỹ thuật và thẩm mỹ, nhận diện các nguyên lý thiết kế chuyên ngành được ứng dụng trong lĩnh vực thiết kế.
  - CDR\_A.04: Có kiến thức và biết phân tích về màu sắc, bố cục, cấu trúc của bản vẽ phác thảo, để phác họa được các mẫu sản phẩm, thiết kế cụ thể.

- CDR\_A.05: Nhận biết về tính chất các loại vật liệu, có khả năng chọn lựa, phối hợp và xử lý các loại vật liệu để tạo mới nguyên vật liệu dùng thiết kế, sản xuất thành phẩm.
  - CDR\_A.06: Nắm vững nguyên lý, kỹ thuật, phương pháp thiết kế các loại sản phẩm trưng bày, triển lãm và ứng dụng.
  - CDR\_A.07: Biết áp dụng các nguyên lý sáng tạo vào lĩnh vực thiết kế và biết phương pháp phát triển sản phẩm từ các ý tưởng thiết kế.
  - CDR\_A.08: Nhận biết được xu hướng phát triển trong lĩnh vực thiết kế, đánh giá và chọn lọc những tiến bộ khoa học kỹ thuật để áp dụng vào thiết kế sáng tạo phù hợp với nhu cầu xã hội.
  - CDR\_A.09: Biết tổ chức sản xuất và phát triển dịch vụ liên quan lĩnh vực thiết kế.
  - CDR\_A.10: Nhận thức và hiểu được mối tương quan giữa các bước trong quy trình thiết kế, các giải pháp kỹ thuật trong quá trình thiết kế và triển khai sản xuất sản phẩm thực tế.
- + Kỹ năng:
- CDR\_B.01: Có phương pháp làm việc khoa học, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, làm việc hợp tác; giao tiếp hiệu quả trong nhóm làm việc.
  - CDR\_B.02: Có khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ; có khả năng đọc hiểu các tài liệu tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên ngành.
  - CDR\_B.03: Biết phân tích và giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc.
- + Thái độ:
- CDR\_C.01: Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp; tự tin và tôn trọng tập thể.
  - CDR\_C.02: Có ý thức cầu tiến, luôn cập nhật thông tin mới trong lĩnh vực nghề nghiệp, chủ động nghiên cứu sáng tạo và quyết đoán trong công việc.

### [3] Vị trí làm việc, công tác khi ra trường:

- + Sinh viên ra trường có cơ hội trở thành chuyên viên thiết kế trong các ngành sản xuất đồ chơi, đồ gia dụng, đồ gỗ, quà tặng, xe đạp, xe máy, ô tô, đồ gốm, thiết bị nội thất, đồ trang trí nội thất và ngành nghề khác.
- + Chuyên viên làm việc tại các phòng nghiên cứu đổi mới và phát triển sản phẩm của các doanh nghiệp.
- + Nhà thiết kế thời trang cho các nhãn hàng thời trang trong và ngoài nước.
- + Trở thành chuyên viên thiết kế độc lập cho các doanh nghiệp khác nhau.

### 3. Thời gian đào tạo:

- [1] Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một CTĐT; hay còn gọi là thời gian đào tạo chính khóa.
- [2] Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT bao gồm: Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài. Sinh viên không hoàn thành CTĐT và đã vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường sẽ bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên (thôi học).
- [3] Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài để sinh viên hoàn thành CTĐT được quy định theo từng bậc học. Cụ thể như sau:

Bậc học	Thời gian đào tạo chính khóa	Thời gian kéo dài
Đại học	4,0 năm (8 học kỳ chính)	2,0 năm (4 học kỳ chính)

### 4. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng tổng số tín chỉ):

- [1] Khối lượng kiến thức toàn khóa: 137 – 138 tín chỉ
- [2] Cấu tạo và tổ chức của chương trình:
- + Kiến thức giáo dục chuyên biệt: Môn học cấp chứng chỉ
    - Giáo dục thể chất;
    - Giáo dục quốc phòng.
  - + Kiến thức giáo dục đại cương:
    - Kiến thức toán, khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin;
    - Kiến thức chính trị, khoa học xã hội, pháp luật, phòng chống tham nhũng và bảo vệ môi trường.
  - + Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:
    - Kiến thức cơ sở ngành (của khối ngành, nhóm ngành, và ngành);
    - Kiến thức chuyên ngành;
    - Kiến thức bổ trợ;
    - Thực tập tốt nghiệp, đồ án/khóa luận/bài thi tốt nghiệp.
  - + Nhóm môn tự chọn (danh sách môn học tự chọn, liệt kê các môn học mà sinh viên phải chọn lựa): Môn học tự chọn có thể thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; hoặc giáo dục chuyên nghiệp. Số tín chỉ tự chọn là 13 tín chỉ; chiếm 09,42% (13/138 tín chỉ)
- [3] Nhóm các môn học trong chương trình:
- + Các môn học lý thuyết;
  - + Các môn học lý thuyết có bài tập, thí nghiệm, thực hành;
  - + Các môn học thí nghiệm, thực hành, thực tập tại phòng thí nghiệm, phòng thực hành và xưởng thực tập;
  - + Các môn học có đi thực tập và có làm bài tập lớn;
  - + Thực tập tại cơ sở ngoài trường và Thực tập tốt nghiệp;
  - + Các môn học tự chọn và môn học bắt buộc;
  - + Môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng (môn học cấp chứng chỉ).
- [4] Phân bố các khối kiến thức trong chương trình đào tạo (CTĐT):
- + **Ngành Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế sản phẩm**

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						Tự học
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
<b>Môn học cấp chứng chỉ</b>	<b>0</b>		<b>285</b>		<b>90</b>	<b>31.58</b>	<b>195</b>	<b>68.42</b>	<b>300</b>
<b>Kiến thức Giáo dục chuyên biệt</b>	<b>0</b>		<b>285</b>		<b>90</b>	<b>31.58</b>	<b>195</b>	<b>68.42</b>	<b>300</b>
- [0] Giáo dục quốc phòng	0		165		90	54.55	75	45.45	240
- [0] Giáo dục thể chất	0		120		0	00.00	120	100.00	60
<b>Môn học trong chương trình đào tạo</b>	<b>136</b>		<b>3270</b>		<b>1080</b>	<b>33.03</b>	<b>2190</b>	<b>66.97</b>	<b>3240</b>
<b>Kiến thức Giáo dục đại cương</b>	<b>28</b>	<b>20.59</b>	<b>495</b>	<b>15.14</b>	<b>330</b>	<b>66.67</b>	<b>165</b>	<b>33.33</b>	<b>765</b>
- [1] Khoa học tự nhiên	4	02.94	75	02.29	45	60.00	30	40.00	105
- [2] Khoa học xã hội	24	17.65	420	12.84	285	67.86	135	32.14	660
<b>Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>99</b>	<b>72.79</b>	<b>2370</b>	<b>72.48</b>	<b>750</b>	<b>31.65</b>	<b>1620</b>	<b>68.35</b>	<b>2340</b>
- [3] Cơ sở ngành	76	55.88	1725	52.75	600	34.78	1125	65.22	1815
- [4] Chuyên ngành	23	16.91	645	19.72	150	23.26	495	76.74	525
<b>Bài thi tốt nghiệp</b>	<b>9</b>	<b>06.62</b>	<b>405</b>	<b>12.39</b>	<b>0</b>	<b>00.00</b>	<b>405</b>	<b>100.00</b>	<b>135</b>
- [5] Thực tập tốt nghiệp	2	01.47	90	02.75	0	00.00	90	100.00	30
- [5] Đồ án, khóa luận, thi tốt nghiệp	7	05.15	315	09.63	0	00.00	315	100.00	105

+ Ngành Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế thời trang

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						Tỷ học
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
<b>Môn học cấp chứng chỉ</b>	<b>0</b>		<b>285</b>		<b>90</b>	<b>31.58</b>	<b>195</b>	<b>68.42</b>	<b>300</b>
<b>Kiến thức Giáo dục chuyên biệt</b>	<b>0</b>		<b>285</b>		<b>90</b>	<b>31.58</b>	<b>195</b>	<b>68.42</b>	<b>300</b>
- [0] Giáo dục quốc phòng	0		165		90	54.55	75	45.45	240
- [0] Giáo dục thể chất	0		120		0	00.00	120	100.00	60
<b>Môn học trong chương trình đào tạo</b>	<b>134</b>		<b>3285</b>		<b>1020</b>	<b>31.05</b>	<b>2265</b>	<b>68.95</b>	<b>3240</b>
<b>Kiến thức Giáo dục đại cương</b>	<b>28</b>	<b>20.90</b>	<b>495</b>	<b>15.07</b>	<b>330</b>	<b>66.67</b>	<b>165</b>	<b>33.33</b>	<b>765</b>
- [1] Khoa học tự nhiên	4	02.99	75	02.28	45	60.00	30	40.00	105
- [2] Khoa học xã hội	24	17.91	420	12.79	285	67.86	135	32.14	660
<b>Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>97</b>	<b>72.39</b>	<b>2385</b>	<b>72.60</b>	<b>690</b>	<b>28.93</b>	<b>1695</b>	<b>71.07</b>	<b>2340</b>
- [3] Cơ sở ngành	70	52.24	1635	49.77	510	31.19	1125	68.81	1710
- [4] Chuyên ngành	27	20.15	750	22.83	180	24.00	570	76.00	630
<b>Bài thi tốt nghiệp</b>	<b>9</b>	<b>06.72</b>	<b>405</b>	<b>12.33</b>	<b>0</b>	<b>00.00</b>	<b>405</b>	<b>100.00</b>	<b>135</b>
- [5] Thực tập tốt nghiệp	2	01.49	90	02.74	0	00.00	90	100.00	30
- [5] Đồ án, khóa luận, thi tốt nghiệp	7	05.22	315	09.59	0	00.00	315	100.00	105

+ Ngành Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế đồ họa

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						Tỷ học
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
<b>Môn học cấp chứng chỉ</b>	<b>0</b>		<b>285</b>		<b>90</b>	<b>31.58</b>	<b>195</b>	<b>68.42</b>	<b>300</b>
<b>Kiến thức Giáo dục chuyên biệt</b>	<b>0</b>		<b>285</b>		<b>90</b>	<b>31.58</b>	<b>195</b>	<b>68.42</b>	<b>300</b>
- [0] Giáo dục quốc phòng	0		165		90	54.55	75	45.45	240
- [0] Giáo dục thể chất	0		120		0	00.00	120	100.00	60
<b>Môn học trong chương trình đào tạo</b>	<b>136</b>		<b>3285</b>		<b>1125</b>	<b>34.25</b>	<b>2160</b>	<b>65.75</b>	<b>3240</b>
<b>Kiến thức Giáo dục đại cương</b>	<b>28</b>	<b>20.59</b>	<b>495</b>	<b>15.07</b>	<b>330</b>	<b>66.67</b>	<b>165</b>	<b>33.33</b>	<b>765</b>
- [1] Khoa học tự nhiên	4	02.94	75	02.28	45	60.00	30	40.00	105
- [2] Khoa học xã hội	24	17.65	420	12.79	285	67.86	135	32.14	660
<b>Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>99</b>	<b>72.79</b>	<b>2385</b>	<b>72.60</b>	<b>795</b>	<b>33.33</b>	<b>1590</b>	<b>66.67</b>	<b>2340</b>
- [3] Cơ sở ngành	80	58.82	1830	55.71	660	36.07	1170	63.93	1905
- [4] Chuyên ngành	19	13.97	555	16.89	135	24.32	420	75.68	435
<b>Bài thi tốt nghiệp</b>	<b>9</b>	<b>06.62</b>	<b>405</b>	<b>12.33</b>	<b>0</b>	<b>00.00</b>	<b>405</b>	<b>100.00</b>	<b>135</b>
- [5] Thực tập tốt nghiệp	2	01.47	90	02.74	0	00.00	90	100.00	30
- [5] Đồ án, khóa luận, thi tốt nghiệp	7	05.15	315	09.59	0	00.00	315	100.00	105

+ Ngành Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế nội thất

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						Tỷ học
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
<b>Môn học cấp chứng chỉ</b>	<b>0</b>		<b>285</b>		<b>90</b>	<b>31.58</b>	<b>195</b>	<b>68.42</b>	<b>300</b>
<b>Kiến thức Giáo dục chuyên biệt</b>	<b>0</b>		<b>285</b>		<b>90</b>	<b>31.58</b>	<b>195</b>	<b>68.42</b>	<b>300</b>
- [0] Giáo dục quốc phòng	0		165		90	54.55	75	45.45	240
- [0] Giáo dục thể chất	0		120		0	00.00	120	100.00	60
<b>Môn học trong chương trình đào tạo</b>	<b>138</b>		<b>3270</b>		<b>1140</b>	<b>34.86</b>	<b>2130</b>	<b>65.14</b>	<b>3315</b>
<b>Kiến thức Giáo dục đại cương</b>	<b>28</b>	<b>20.29</b>	<b>495</b>	<b>15.14</b>	<b>330</b>	<b>66.67</b>	<b>165</b>	<b>33.33</b>	<b>765</b>

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		Tự học
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
- [1] Khoa học tự nhiên	4	02.90	75	02.29	45	60.00	30	40.00	105
- [2] Khoa học xã hội	24	17.39	420	12.84	285	67.86	135	32.14	660
<b>Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>101</b>	<b>73.19</b>	<b>2370</b>	<b>72.48</b>	<b>810</b>	<b>34.18</b>	<b>1560</b>	<b>65.82</b>	<b>2415</b>
- [3] Cơ sở ngành	75	54.35	1710	52.29	600	35.09	1110	64.91	1785
- [4] Chuyên ngành	26	18.84	660	20.18	210	31.82	450	68.18	630
<b>Bài thi tốt nghiệp</b>	<b>9</b>	<b>06.52</b>	<b>405</b>	<b>12.39</b>	<b>0</b>	<b>00.00</b>	<b>405</b>	<b>100.00</b>	<b>135</b>
- [5] Thực tập tốt nghiệp	2	01.45	90	02.75	0	00.00	90	100.00	30
- [5] Đồ án, khóa luận, thi tốt nghiệp	7	05.07	315	09.63	0	00.00	315	100.00	105

## 5. Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) và qua kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

## 6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- [1] Quy trình đào tạo được thiết kế theo đào tạo tín chỉ, lấy môn học với các học phần làm cơ sở tích lũy kiến thức và tích lũy đủ số tín chỉ của ngành. Sinh viên tự đăng ký môn học và thời khóa biểu theo sự tư vấn của cố vấn học tập.
- [2] Các môn học được bố trí theo học kỳ, năm học và khóa học. Mỗi năm có 02 học kỳ chính, gồm 15 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập (bao gồm cả kiểm tra giữa kỳ); 02 - 03 tuần dành cho việc thi, kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Ngoài học kỳ chính, còn có thể tổ chức học kỳ phụ (còn gọi là học kỳ hè). Học kỳ hè có 02 - 04 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập, 01 tuần cho việc đánh giá tập trung.
- [3] Quy định khi đăng ký môn học và số tín chỉ đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định tại Điều 13, Chương 2 Tổ chức đào tạo, Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 430-20/QĐ-DSG-DT ngày 24/09/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.
  - + Quy định về khối lượng học tập tối thiểu của một sinh viên đăng ký trong học kỳ:
    - 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường.
    - 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.
    - Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.
  - + Quy định về khối lượng học tập tối đa của một sinh viên đăng ký trong học kỳ:
    - Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 18 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Nếu sinh viên có nhu cầu đăng ký nhiều hơn số tín chỉ quy định, sinh viên phải làm đơn gửi cố vấn học tập xin ý kiến và chuyển đơn đến Phòng Đào tạo xem xét giải quyết tiếp. Sinh viên nhận kết quả trả lời đơn tại Phòng Đào tạo.
    - Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của sinh viên xếp hạng học lực bình thường.
    - Đối với học kỳ phụ (học kỳ hè), sinh viên không được đăng ký nhiều hơn 12 tín chỉ.
- [4] Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập; sau đây gọi chung là TIẾT.
  - + Tín chỉ được quy định bằng:
    - 15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;

- 30 giờ thực tập/ thực hành/ thí nghiệm/ thảo luận + 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;
- 45 giờ thực tập tại cơ sở/ thực tập tốt nghiệp;
- 45 giờ làm tiểu luận/ bài tập lớn/ đồ án;
- 45 giờ làm đồ án tốt nghiệp/ khóa luận tốt nghiệp/ luận văn tốt nghiệp/ luận án tốt nghiệp/ bài thi tốt nghiệp.
- Số tín chỉ của mỗi môn học phải là một số nguyên.

[5] Điều kiện tốt nghiệp:

- + Sinh viên đạt yêu cầu theo Điều 33, Chương 5 Xét và công nhận tốt nghiệp cuối khóa, Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 430-20/QĐ-DSG-ĐT ngày 24/09/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

**7. Thang điểm đánh giá:**

[1] Yêu cầu chung của môn học theo quy chế:

- + Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp và chuẩn bị bài tập kỹ năng ở nhà để tự củng cố kiến thức cho bản thân;
- + Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học;
- + Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học;
- + Sinh viên vi phạm quy chế thi sẽ bị xử lý theo quy định.

[2] Để hoàn tất môn học, sinh viên phải “đạt”:

- + Điểm tổng kết môn học  $\geq 5,0$  (năm) điểm theo thang điểm 10,0 (mười);
- + Điểm được quy đổi về thang điểm chữ và thang điểm 4,0 trong bảng điểm tổng kết;
- + Thực hiện đầy đủ yêu cầu đánh giá môn học theo trọng số (%) của điểm thành phần như sau:

Điểm thành phần	Thang điểm 10	Trọng số	Điều kiện
Điểm quá trình	a	x%	$x + y + z = 100\%$ ; $x + y \leq 50\%$
Điểm kiểm tra giữa kỳ	b	y%	$x + y + z = 100\%$ ; $x + y \leq 50\%$
Điểm thi cuối kỳ	c	z%	$x + y + z = 100\%$ ; $z \geq 50\%$
Điểm tổng kết môn học	$a * x\% + b * y\% + c * z\%$		

**8. Nội dung chương trình:** Kế hoạch triển khai chi tiết trong phụ lục 01

[1] Ngành Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế sản phẩm

STT	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
							Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
			<b>Kiến thức giáo dục chuyên biệt</b>			<b>0</b>	<b>285</b>	<b>90</b>	<b>195</b>	<b>300</b>
01	HK4	MI03002	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	QP	0[6.3.16]	0	165	90	75	240
02	HK2	GS99001	Giáo dục thể chất 1	TC	0[0.1.1]	0	30	0	30	15
03	HK2	GS99002	Giáo dục thể chất 2	TC	0[0.1.1]	0	30	0	30	15
04	HK3	GS93003	Giáo dục thể chất 3	TC	0[0.1.1]	0	30	0	30	15
05	HK3	GS93004	Giáo dục thể chất 4	TC	0[0.1.1]	0	30	0	30	15
			<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>31</b>	<b>540</b>	<b>360</b>	<b>180</b>	<b>855</b>
01	HK1	AA19003	Tin học đại cương và thực hành	TN	4[3.1.7]	4	75	45	30	105
02	HK6	GS09010	Môn học tự chọn 1_KHXH	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
03	HK1	GS19001	Tiếng Anh 1	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
04	HK2	GS19002	Tiếng Anh 2	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
05	HK3	GS19003	Tiếng Anh 3	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45

STT	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tin chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
							Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
06	HK4	GS19004	Tiếng Anh 4	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
07	HK5	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	XH	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
08	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	XH	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
09	HK1	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
10	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
11	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
12	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
			<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>99</b>	<b>2370</b>	<b>750</b>	<b>1620</b>	<b>2340</b>
01	HK1	DE09001	Design đại cương	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
02	HK1	DE09002	Hình họa 1	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
03	HK1	DE09003	Lược sử mỹ thuật Thế giới và VN	CS	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
04	HK1	DE09004	Nguyên lý thị giác	CS	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
05	HK2	DE09005	Ergonomics	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
06	HK2	DE09006	Hình họa 2	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
07	HK2	DE09007	Vẽ kỹ thuật	CS	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
08	HK2	DE09008	Thực tập cơ sở	CS	1[0.1.1]	1	45	0	45	15
09	HK3	DE09009	Hình họa chuyên ngành 1_TK SP	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
10	HK4	DE09013	Nghệ thuật ảnh	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
11	HK4	DE09014	Hình họa chuyên ngành 2_TK SP	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
12	HK5	DE09018	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
13	HK5	DE09019	Lịch sử văn minh thế giới	CS	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
14	HK5	DE09020	Ảnh studio	CS	2[0.2.2]	2	60	0	60	30
15	HK6	DE09021	Lịch sử Design	CS	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
16	HK6	DE09022	Mỹ học đại cương	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
17	HK8	DE09023	Luật sở hữu trí tuệ	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
18	HK6	DE13020	Chuyên đề 1_TK SP	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
19	HK6	DE13022	Nghệ thuật thủ công truyền thống VN	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
20	HK7	DE13023	Chuyên đề 2_TK SP	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
21	HK2	DE19001	Kỹ thuật mô hình SP	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
22	HK3	DE19002	Kỹ thuật thể hiện ĐA tạo dáng 1	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
23	HK2	DE19003	Mô tuýp và màu sắc trong TK SP	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
24	HK3	DE19004	Hình khối và chất liệu tạo bề mặt	CS	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
25	HK4	DE19005	Kỹ thuật thể hiện ĐA tạo dáng 2	CS	4[2.2.6]	4	90	30	60	90
26	HK3	DE19006	Văn hóa và phong cách TK sản phẩm	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
27	HK3	DE19008	Nguyên lý TK trong TK SP	CS	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
28	HK4	DE19010	Vật liệu trong TK SP	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
29	HK4	DE19011	Thực tập chuyên ngành	CS	2[0.2.2]	2	90	0	90	30
30	HK5	DE19016	Tư duy thiết kế	CS	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
31	HK2	DE19018	TH thiết bị	CN	2[0.2.3]	2	45	0	45	45
32	HK6	DE13026	ĐA TK Furniture	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
33	HK7	DE13027	ĐA tự chọn_TK SP	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
34	HK7	DE13028	TH TK SP thủ công truyền thống	CN	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
35	HK7	DE13029	ĐA tổng hợp_TK SP	CN	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
36	HK3	DE19007	Chế tác trang sức	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
37	HK3	DE19009	Trang trí SP	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
38	HK4	DE19013	TK công cụ cầm tay	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45

STT	Học kỳ	MSMH	Khởi kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tin chi	Tin chi	Số tiết thực hiện			
							Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
39	HK5	DE19017	TK đồ chơi	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
40	HK5	DE19019	TH TK SP Gốm Sứ	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
41	HK4	DE19020	ĐA TK đèn trang trí	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
			<b>Nhóm môn bài thi tốt nghiệp</b>			<b>9</b>	<b>405</b>	<b>0</b>	<b>405</b>	<b>135</b>
01	HK8	DE19151	Thực tập tốt nghiệp	TN	2[0.2.2]	2	90	0	90	30
02	HK8	DE13153	ĐA/Khóa luận tốt nghiệp	TN	7[0.7.7]	7	315	0	315	105
			<b>Danh sách môn học tự chọn</b>							
			<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>7</b>	<b>105</b>	<b>90</b>	<b>15</b>	<b>210</b>
01	HK6	GS09011	KHXH_Tiếng Việt thực hành	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
02	HK6	GS09012	KHXH_Kỹ năng giao tiếp	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
03	HK6	GS09021	KHXH_Tiếng Anh chuyên ngành	XH	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>20</b>	<b>465</b>	<b>150</b>	<b>315</b>	<b>465</b>
01	HK6	DE09024	Nghệ thuật trang trí công cộng	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
02	HK6	DE09028	Xây dựng quy trình TK thời trang	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
03	HK6	DE09030	Nghệ thuật bố cục trình bày	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
04	HK6	DE09036	Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày SP	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
05	HK7	DE09037	Phong thủy	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
06	HK7	DE09038	Ứng dụng KT thể hiện tranh in đương đại	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
07	HK7	DE09039	PP nhận diện ADN của thương hiệu	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
08	HK7	DE19012	Phương pháp tìm ý trong TK SP	CS	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
09	HK7	DE13030	ĐA TK giày dép	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
10	HK7	DE13031	ĐA TK phương tiện giao thông	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45

[2] Ngành TK Công nghiệp, chuyên ngành TK thời trang

STT	Học kỳ	MSMH	Khởi kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tin chi	Tin chi	Số tiết thực hiện			
							Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
			<b>Kiến thức giáo dục chuyên biệt</b>			<b>0</b>	<b>285</b>	<b>90</b>	<b>195</b>	<b>300</b>
01	HK4	MI03002	Giáo dục quốc phòng (DH)	QP	0[6.3.16]	0	165	90	75	240
02	HK2	GS99001	Giáo dục thể chất 1	TC	0[0.1.1]	0	30	0	30	15
03	HK2	GS99002	Giáo dục thể chất 2	TC	0[0.1.1]	0	30	0	30	15
04	HK3	GS93003	Giáo dục thể chất 3	TC	0[0.1.1]	0	30	0	30	15
05	HK3	GS93004	Giáo dục thể chất 4	TC	0[0.1.1]	0	30	0	30	15
			<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>28</b>	<b>495</b>	<b>330</b>	<b>165</b>	<b>765</b>
01	HK1	AA19003	Tin học đại cương và thực hành	TN	4[3.1.7]	4	75	45	30	105
02	HK6	GS09010	Môn học tự chọn 1_KHXH	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
03	HK1	GS19001	Tiếng Anh 1	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
04	HK2	GS19002	Tiếng Anh 2	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
05	HK3	GS19003	Tiếng Anh 3	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
06	HK4	GS19004	Tiếng Anh 4	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
07	HK5	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	XH	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
08	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	XH	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
09	HK1	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
10	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
11	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
12	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60

STT	Học kỳ	MSMH	Khởi kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tin chi	Tin chi	Số tiết thực hiện			
							Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
			<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>97</b>	<b>2385</b>	<b>690</b>	<b>1695</b>	<b>2340</b>
01	HK1	DE09001	Design đại cương	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
02	HK1	DE09002	Hình họa 1	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
03	HK1	DE09003	Lược sử mỹ thuật Thế giới và VN	CS	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
04	HK1	DE09004	Nguyên lý thị giác	CS	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
05	HK2	DE09005	Ergonomics	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
06	HK2	DE09006	Hình họa 2	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
07	HK2	DE09007	Vẽ kỹ thuật	CS	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
08	HK2	DE09008	Thực tập cơ sở	CS	1[0.1.1]	1	45	0	45	15
09	HK3	DE09010	Hình họa chuyên ngành 1_TK Thời trang	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
10	HK4	DE09013	Nghệ thuật ảnh	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
11	HK4	DE09015	Hình họa chuyên ngành 2_TK Thời trang	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
12	HK5	DE09018	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
13	HK5	DE09019	Lịch sử văn minh thế giới	CS	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
14	HK5	DE09020	Ảnh studio	CS	2[0.2.2]	2	60	0	60	30
15	HK6	DE09021	Lịch sử Design	CS	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
16	HK6	DE09022	Mỹ học đại cương	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
17	HK6	DE23017	Chuyên đề 1_TK Thời trang	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
18	HK7	DE23020	Chuyên đề 2_TK Thời trang	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
19	HK2	DE29001	Kỹ thuật thể hiện ĐA thời trang 1	CS	3[1.2.5]	3	60	15	45	75
20	HK2	DE29002	Mô tuyp và màu sắc trong TK thời trang	CS	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
21	HK3	DE29004	Kỹ thuật mô hình thời trang 1	CS	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
22	HK3	DE29005	Kỹ thuật thể hiện ĐA thời trang 2	CS	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
23	HK3	DE29006	Nguyên lý TK thời trang	CS	3[1.2.5]	3	60	15	45	75
24	HK3	DE29007	Văn hóa và phong cách trong TK thời trang	CS	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
25	HK4	DE29009	Chất liệu và xử lý chất liệu TK Thời trang	CS	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
26	HK4	DE29010	Kỹ thuật mô hình thời trang 2	CS	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
27	HK4	DE29011	Thực tập chuyên ngành	CS	2[0.2.2]	2	90	0	90	30
28	HK6	DE23018	ĐA TK trang phục lễ hội	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
29	HK6	DE23019	ĐA TK trang phục thể thao	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
30	HK7	DE23021	ĐA tổng hợp_TK Thời trang	CN	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
31	HK7	DE23022	ĐA tự chọn_TK Thời trang	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
32	HK7	DE23023	Lịch sử thời trang	CN	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
33	HK2	DE29003	Kỹ thuật cắt may 1	CN	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
34	HK3	DE29008	Kỹ thuật cắt may 2	CN	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
35	HK4	DE29012	ĐA TK trang phục trẻ em	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
36	HK4	DE29013	ĐA TK trang phục cho dạng người đặc biệt	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
37	HK5	DE29014	ĐA TK trang phục công sở	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
38	HK5	DE29015	ĐA TK trang phục nội y	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
39	HK5	DE29016	Nghệ thuật trang điểm	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
			<b>Nhóm môn bài thi tốt nghiệp</b>			<b>9</b>	<b>405</b>	<b>0</b>	<b>405</b>	<b>135</b>
01	HK8	DE29151	Thực tập tốt nghiệp	TN	2[0.2.2]	2	90	0	90	30
02	HK8	DE23153	ĐA/Khóa luận tốt nghiệp	TN	7[0.7.7]	7	315	0	315	105
			<b>Danh sách môn học tự chọn</b>							
			<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>7</b>	<b>105</b>	<b>90</b>	<b>15</b>	<b>210</b>
01	HK6	GS09011	KHXH_Tiếng Việt TH	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60

STT	Học kỳ	MSMH	Khởi kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tin chỉ	Tin chỉ	Số tiết thực hiện			
							Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
02	HK6	GS09012	KHXH_Kỹ năng giao tiếp	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
03	HK6	GS09021	KHXH_Tiếng Anh chuyên ngành	XH	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>22</b>	<b>540</b>	<b>165</b>	<b>375</b>	<b>495</b>
01	HK6	DE09024	Nghệ thuật trang trí công cộng	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
02	HK6	DE09028	Xây dựng quy trình TK thời trang	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
03	HK6	DE09030	Nghệ thuật bố cục trình bày	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
04	HK7	DE09033	Draping nâng cao	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
05	HK7	DE09035	Mình họa thời trang	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
06	HK6	DE09036	Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày SP	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
07	HK7	DE09038	Ứng dụng KT thể hiện tranh in đương đại	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
08	HK7	DE09039	PP nhận diện ADN của thương hiệu	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
09	HK7	DE23024	ĐA TK trang phục trình diễn ấn tượng	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
10	HK7	DE23025	Tham gia thi TK thời trang	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
11	HK7	DE23026	TK phụ kiện	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45

### [3] Ngành TK Công nghiệp, chuyên ngành TK đồ họa

STT	Học kỳ	MSMH	Khởi kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tin chỉ	Tin chỉ	Số tiết thực hiện			
							Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
			<b>Kiến thức giáo dục chuyên biệt</b>			<b>0</b>	<b>285</b>	<b>90</b>	<b>195</b>	<b>300</b>
01	HK4	MI03002	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	QP	0[6.3.16]	0	165	90	75	240
02	HK2	GS99001	Giáo dục thể chất 1	TC	0[0.1.1]	0	30	0	30	15
03	HK2	GS99002	Giáo dục thể chất 2	TC	0[0.1.1]	0	30	0	30	15
04	HK3	GS93003	Giáo dục thể chất 3	TC	0[0.1.1]	0	30	0	30	15
05	HK3	GS93004	Giáo dục thể chất 4	TC	0[0.1.1]	0	30	0	30	15
			<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>28</b>	<b>495</b>	<b>330</b>	<b>165</b>	<b>765</b>
01	HK1	AA19003	Tin học đại cương và thực hành	TN	4[3.1.7]	4	75	45	30	105
02	HK6	GS09010	Môn học tự chọn 1_KHXH	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
03	HK1	GS19001	Tiếng Anh 1	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
04	HK2	GS19002	Tiếng Anh 2	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
05	HK3	GS19003	Tiếng Anh 3	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
06	HK4	GS19004	Tiếng Anh 4	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
07	HK5	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	XH	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
08	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	XH	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
09	HK1	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
10	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
11	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
12	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
			<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>99</b>	<b>2385</b>	<b>795</b>	<b>1590</b>	<b>2340</b>
01	HK1	DE09001	Design đại cương	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
02	HK1	DE09002	Hình họa 1	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
03	HK1	DE09003	Lược sử mỹ thuật thế giới và VN	CS	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
04	HK1	DE09004	Nguyên lý thị giác	CS	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
05	HK2	DE09005	Ergonomics	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
06	HK2	DE09006	Hình họa 2	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
07	HK2	DE09007	Vẽ kỹ thuật	CS	3[2.1.5]	3	60	30	30	75

STT	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tin chi	Tin chi	Số tiết thực hiện			
							Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
08	HK2	DE09008	Thực tập cơ sở	CS	1[0.1.1]	1	45	0	45	15
09	HK3	DE09011	Hình họa chuyên ngành 1_TK Đồ họa	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
10	HK4	DE09013	Nghệ thuật ảnh	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
11	HK4	DE09016	Hình họa chuyên ngành 2_TK Đồ họa	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
12	HK5	DE09018	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
13	HK5	DE09019	Lịch sử văn minh thế giới	CS	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
14	HK5	DE09020	Ảnh studio	CS	2[0.2.2]	2	60	0	60	30
15	HK6	DE09021	Lịch sử Design	CS	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
16	HK6	DE09022	Mỹ học đại cương	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
17	HK8	DE09023	Luật sở hữu trí tuệ	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
18	HK5	DE09029	Kỹ thuật in ấn	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
19	HK6	DE33018	Chuyên đề 1_TK Đồ họa	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
20	HK7	DE33021	Chuyên đề 2_TK Đồ họa	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
21	HK2	DE39001	Kỹ thuật mô hình đồ họa	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
22	HK2	DE39002	Kỹ thuật thể hiện ĐA đồ họa 1	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
23	HK2	DE39003	Mô tuyp và màu sắc trong TK đồ họa	CS	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
24	HK3	DE39004	Kỹ thuật thể hiện ĐA đồ họa 2	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
25	HK3	DE39005	Mô hình đồ họa	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
26	HK3	DE39006	Nghệ thuật chữ	CS	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
27	HK3	DE39007	Nguyên lý TK đồ họa	CS	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
28	HK3	DE39008	Văn hóa và phong cách trong TK đồ họa	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
29	HK4	DE39009	Mình họa nhân vật	CS	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
30	HK4	DE39010	Quảng cáo đại cương	CS	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
31	HK4	DE39011	Thực tập chuyên ngành	CS	2[0.2.2]	2	90	0	90	30
32	HK5	DE39014	Nguyên lý TK bao bì	CS	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
33	HK6	DE33019	ĐA Bao bì	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
34	HK6	DE33020	ĐA Dàn trang	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
35	HK7	DE33022	ĐA tổng hợp_TK Đồ họa	CN	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
36	HK7	DE33023	ĐA tự chọn_TK Đồ họa	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
37	HK7	DE33024	Kỹ thuật tranh khắc trong TK đồ họa	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
38	HK4	DE39012	ĐA Chữ và tín hiệu	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
39	HK4	DE39013	ĐA Đồ họa hệ thống	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
40	HK5	DE39016	ĐA Minh họa	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
41	HK5	DE39017	ĐA Quảng cáo	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
			<b>Nhóm môn bài thi tốt nghiệp</b>			<b>9</b>	<b>405</b>	<b>0</b>	<b>405</b>	<b>135</b>
01	HK8	DE39151	Thực tập tốt nghiệp	TN	2[0.2.2]	2	90	0	90	30
02	HK8	DE33153	ĐA/Khóa luận tốt nghiệp	TN	7[0.7.7]	7	315	0	315	105
			<b>Danh sách môn học tự chọn</b>							
			<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>7</b>	<b>105</b>	<b>90</b>	<b>15</b>	<b>210</b>
01	HK6	GS09011	KHXH_Tiếng Việt TH	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
02	HK6	GS09012	KHXH_Kỹ năng giao tiếp	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
03	HK6	GS09021	KHXH_Tiếng Anh chuyên ngành	XH	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>22</b>	<b>525</b>	<b>165</b>	<b>360</b>	<b>510</b>
01	HK6	DE09024	Nghệ thuật trang trí công cộng	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
02	HK6	DE09028	Xây dựng quy trình TK thời trang	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
03	HK6	DE09030	Nghệ thuật bố cục trình bày	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45

STT	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tin chi	Tin chi	Số tiết thực hiện			
							Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
04	HK6	DE09036	Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày SP	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
05	HK7	DE09037	Phong thủy	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
06	HK7	DE09038	Ứng dụng KT thể hiện tranh in đương đại	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
07	HK7	DE09039	PP nhận diện ADN của thương hiệu	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
08	HK7	DE19012	Phương pháp tìm ý trong TK SP	CS	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
09	HK7	DE33025	ĐA Tổ chức sự kiện	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
10	HK7	DE33026	ĐA TK web	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
11	HK7	DE33027	ĐA Quảng cáo tương tác	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45

#### [4] Ngành TK Công nghiệp, chuyên ngành TK nội thất

STT	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tin chi	Tin chi	Số tiết thực hiện			
							Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
			<b>Kiến thức giáo dục chuyên biệt</b>			<b>0</b>	<b>285</b>	<b>90</b>	<b>195</b>	<b>300</b>
01	HK4	MI03002	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	QP	0[6.3.16]	0	165	90	75	240
02	HK2	GS99001	Giáo dục thể chất 1	TC	0[0.1.1]	0	30	0	30	15
03	HK2	GS99002	Giáo dục thể chất 2	TC	0[0.1.1]	0	30	0	30	15
04	HK3	GS93003	Giáo dục thể chất 3	TC	0[0.1.1]	0	30	0	30	15
05	HK3	GS93004	Giáo dục thể chất 4	TC	0[0.1.1]	0	30	0	30	15
			<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>28</b>	<b>495</b>	<b>330</b>	<b>165</b>	<b>765</b>
01	HK1	AA19003	Tin học đại cương và thực hành	TN	4[3.1.7]	4	75	45	30	105
02	HK6	GS09010	Môn học tự chọn I_KHXH	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
03	HK1	GS19001	Tiếng Anh 1	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
04	HK2	GS19002	Tiếng Anh 2	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
05	HK3	GS19003	Tiếng Anh 3	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
06	HK4	GS19004	Tiếng Anh 4	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
07	HK5	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	XH	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
08	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	XH	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
09	HK1	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
10	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
11	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
12	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
			<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>101</b>	<b>2370</b>	<b>810</b>	<b>1560</b>	<b>2415</b>
01	HK1	DE09001	Design đại cương	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
02	HK1	DE09002	Hình họa 1	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
03	HK1	DE09003	Lược sử mỹ thuật thế giới và VN	CS	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
04	HK1	DE09004	Nguyên lý thị giác	CS	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
05	HK2	DE09005	Ergonomics	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
06	HK2	DE09006	Hình họa 2	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
07	HK2	DE09007	Vẽ kỹ thuật	CS	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
08	HK2	DE09008	Thực tập cơ sở	CS	1[0.1.1]	1	45	0	45	15
09	HK3	DE09012	Hình họa chuyên ngành 1_TK Nội thất	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
10	HK4	DE09013	Nghệ thuật ảnh	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
11	HK4	DE09017	Hình họa chuyên ngành 2_TK Nội thất	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
12	HK5	DE09018	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
13	HK5	DE09019	Lịch sử văn minh thế giới	CS	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
14	HK5	DE09020	Ảnh studio	CS	2[0.2.2]	2	60	0	60	30

STT	Học kỳ	MSMH	Khởi kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tin chi	Tin chi	Số tiết thực hiện			
							Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
15	HK6	DE09021	Lịch sử Design	CS	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
16	HK6	DE09022	Mỹ học đại cương	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
17	HK6	DE43017	Chuyên đề 1_TK Nội thất	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
18	HK6	DE43018	Kỹ thuật thể hiện ĐA nội thất 4	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
19	HK7	DE43021	Chuyên đề 2_TK Nội thất	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
20	HK7	DE43022	Lịch sử kiến trúc nội thất	CS	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
21	HK2	DE49001	Kỹ thuật mô hình nội thất	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
22	HK2	DE49002	Mô tuyp và màu sắc trong TK nội thất	CS	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
23	HK3	DE49003	Kỹ thuật thể hiện ĐA nội thất 1	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
24	HK3	DE49004	Nguyên lý TK nội thất	CS	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
25	HK3	DE49005	Văn hóa và phong cách trong TK nội thất	CS	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
26	HK4	DE49007	Kỹ thuật thể hiện ĐA nội thất 2	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
27	HK4	DE49008	Nhân diện thương hiệu	CS	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
28	HK4	DE49009	Thực tập chuyên ngành	CS	2[0.2.2]	2	90	0	90	30
29	HK5	DE49013	Kỹ thuật thể hiện ĐA nội thất 3	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
30	HK6	DE43019	ĐA Nội thất công trình dịch vụ giải trí	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
31	HK6	DE43020	ĐA Nội thất công trình văn hóa giáo dục	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
32	HK7	DE43023	ĐA tổng hợp_TK Nội thất	CN	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
33	HK7	DE43024	ĐA tự chọn_TK Nội thất	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
34	HK3	DE49006	Vật liệu nội thất	CN	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
35	HK4	DE49010	Cấu tạo nội thất	CN	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
36	HK4	DE49011	ĐA Ngoại thất sân vườn công viên	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
37	HK4	DE49012	ĐA Nội thất công trình nhà ở	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
38	HK5	DE49014	ĐA Nội thất CT: Trưng bày - Thương mại	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
39	HK5	DE49015	ĐA Nội thất công trình văn phòng	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
40	HK5	DE49016	Nghệ thuật chiếu sáng	CN	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			<b>Nhóm môn bài thi tốt nghiệp</b>			<b>9</b>	<b>405</b>	<b>0</b>	<b>405</b>	<b>135</b>
01	HK8	DE49151	Thực tập tốt nghiệp	TN	2[0.2.2]	2	90	0	90	30
02	HK8	DE43153	ĐA/Khóa luận tốt nghiệp	TN	7[0.7.7]	7	315	0	315	105
			<b>Danh sách môn học tự chọn</b>							
			<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>7</b>	<b>105</b>	<b>90</b>	<b>15</b>	<b>210</b>
01	HK6	GS09011	KHXH_Tiếng Việt thực hành	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
02	HK6	GS09012	KHXH_Kỹ năng giao tiếp	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
03	HK6	GS09021	KHXH_Tiếng Anh chuyên ngành	XH	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>22</b>	<b>525</b>	<b>165</b>	<b>360</b>	<b>510</b>
01	HK6	DE09024	Nghệ thuật trang trí công cộng	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
02	HK6	DE09028	Xây dựng quy trình TK thời trang	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
03	HK6	DE09030	Nghệ thuật bố cục trình bày	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
04	HK6	DE09036	Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày SP	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
05	HK7	DE09037	Phong thủy	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
06	HK7	DE09038	Ứng dụng KT thể hiện tranh in đương đại	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
07	HK7	DE09039	PP nhận diện ADN của thương hiệu	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
08	HK7	DE19012	Phương pháp tìm ý trong TK SP	CS	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
09	HK7	DE43025	ĐA SP tái chế	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
10	HK7	DE43026	ĐA Tổ chức sự kiện	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
11	HK7	DE43027	ĐA Tạo dáng SP nội thất	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45

## 9. Kế hoạch giảng dạy:

Xem bảng Kế hoạch giảng dạy - phân bố kiến thức, môn học, tín chỉ và số tiết theo học kỳ.  
Xem chi tiết trong Phụ lục 1.

## 10. Bảng đối sánh môn học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Xem chi tiết trong Phụ lục 2

## 11. Sơ đồ biểu diễn mối liên hệ – tiến trình môn học trong chương trình đào tạo:

Xem chi tiết trong Phụ lục 3

## 12. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo:

[1] Nội dung chương trình đào tạo gồm các phần:

- + Phần chung toàn trường:
  - Tất cả các ngành đều có một số môn học chung – đó là phần chung toàn trường, ví dụ như các môn Khoa học Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Toán cao cấp, Vật lý, Ngoại ngữ, Tin học đại cương ... đây là những môn học bắt buộc đối với mọi sinh viên.
- + Phần chung của một số ngành:
  - Giữa một số ngành liên quan có thể có các môn học chung. Các môn học này có thể được tổ chức giảng dạy ngay từ đầu học kỳ thứ nhất, hoặc có môn được dạy vào cả học kỳ cuối cùng trong chương trình đào tạo.
  - Việc giảng dạy của một số môn học này có thể không thuộc Khoa quản lý ngành phụ trách, mà lại do một Khoa khác phụ trách.
- + Các môn học của ngành:
  - Các môn học của ngành được trình bày dưới dạng “tiến trình diễn biến” trong các chương trình đào tạo, tức bố trí dạy trước sau theo một thứ tự hợp lý.

[2] Phân loại môn học – ký hiệu phân loại môn học:

- + Môn học bắt buộc ----- Ký hiệu: [BB]
  - Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.
- + Môn học tự chọn ----- Ký hiệu: [TC]
  - Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.
- + Môn học thay thế = Môn học tương đương ----- Ký hiệu: [TT/TD]
  - Môn học thuộc CTĐT của khóa – ngành đang được tổ chức giảng dạy tại Trường mà sinh viên được phép học, tích lũy để thay thế cho môn học khác trong CTĐT của ngành đào tạo. Khái niệm môn học thay thế được sử dụng khi môn học vốn có trong CTĐT nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy (hoặc trong học kỳ đang xét không tổ chức giảng dạy) và được thay thế bằng môn học khác. Môn học thay thế sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất trong quá trình triển khai CTĐT trong thực tế.
  - Trong chương trình đào tạo của các ngành có một số môn học mà việc tổ chức giảng dạy và học tập không phải do Khoa quản lý ngành phụ trách mà do một Khoa khác chịu trách nhiệm. Điều đó cũng có nghĩa là trong các chương trình đào tạo có thể có một số môn học trùng tên nhau (Ví dụ như môn Tin học chuyên

ngành I ở các ngành khác nhau), nhưng nội dung được xây dựng có nhiều phần khác nhau, nhằm phục vụ cho những đối tượng khác (đương nhiên cũng có nhiều phần giống nhau). Việc xét tương đương môn học khi sinh viên chuyển ngành, chuyển khóa đào tạo sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất.

- + Môn học trước, môn học song hành, môn học sau, môn học tiên quyết:
  - Việc sắp xếp các môn học trong mỗi học kỳ là nhằm định hướng sinh viên học theo trình tự đó. Điều này cũng nêu lên tính chất tiên quyết của các môn học.
  - Ví dụ: Một môn học X nào đó được tổ chức học tập tại học kỳ thứ (i), có nghĩa là ở các học kỳ trước đó (i – 1) đã phải tổ chức học tập một hay vài môn học nhằm chuẩn bị kiến thức cơ sở cho việc học môn X. Do đó phải tuân thủ tiến trình sắp xếp các môn học trong chương trình đào tạo. Và đôi khi, môn X có thể có tác dụng chuẩn bị để học môn Y sau đó ở học kỳ thứ (i + 1)
  - Cũng có một vài trường hợp đặc biệt, do không sắp xếp được, nên có khái niệm môn học song hành – môn học B là song hành với môn học A là môn học mà lẽ ra phải được học trước, ít ra với một số phần, so với môn A nhưng do những lý do bất khả kháng, phải bố trí cho sinh viên theo học đồng thời với môn học A.
    - Môn học tiên quyết ----- Ký hiệu: [TQ]
    - Môn học trước ----- Ký hiệu: [Tr]
    - Môn học song hành ----- Ký hiệu: [SH]
- + Quy ước về điểm số của môn học trước hay môn học tiên quyết:
  - Sinh viên phải có điểm số của môn học trước lớn hơn 0,0 điểm (không điểm) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.
  - Sinh viên phải có điểm số của môn học tiên quyết hơn 5,0 điểm (năm điểm – điểm đạt) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.

[3] Ký hiệu liên quan đến môn học:

- + Môn học được thể hiện:
  - Mã số môn học: -----[GS59001]
  - Tên môn học: ----- Tin học đại cương
  - Tín chỉ: ----- 2[2.0.4]
- + Có thể đọc và hiểu như sau:
  - Môn Tin học đại cương, 2 tín chỉ gồm khối lượng học tập trong 1 học kỳ như sau:
    - Mã số “GS5” thể hiện Khoa/Ban chuyên môn phụ trách giảng dạy môn học.
    - 2 x 15 tiết lý thuyết/bài tập trên lớp;
    - 0 x 30 tiết thí nghiệm/thực hành /thảo luận tại phòng thí nghiệm/xưởng thực hành/phòng chuyên đề/phòng học/phòng máy;
    - 4 x 15 giờ tự học, tự nghiên cứu ở nhà.

**13. Mô tả tóm tắt môn học:**

Ghi chú viết tắt: thiết kế (TK); sản phẩm (SP)

[1] Kiến thức Giáo dục chuyên biệt

[MI03002] Giáo dục quốc phòng (DH) ----- 0[6.3.16]

[GS99001] Giáo dục thể chất 1 ----- 0[0.1.1]

- + Phần lý thuyết: Một số vấn đề về quan điểm, đường lối và chủ trương của Đảng và nhà nước về công tác thể dục thể thao (TDTT) trong giao đoạn mới, mục đích, nhiệm vụ và

yêu cầu của Giáo dục thể chất (GDTC) với sinh viên, các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT.

- + Phần thực hành: Nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết về kỹ năng vận động, thể lực chung của môn điền kinh (Chạy cự ly trung bình: nam: 1500m, nữ: 800m) và môn thể dục (đội hình, đội ngũ, bài tập thể dục phát triển chung)

[GS99002] Giáo dục thể chất 2----- 0[0.1.1]

- + Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng chuyền, luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
- + Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản (tư thế chuẩn bị, cách di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng và đập bóng)

[GS93003] Giáo dục thể chất 3----- 0[0.1.1]

- + Phần lý thuyết bao gồm nội dung về: nguồn gốc, quá trình phát triển môn bóng rổ trên thế giới và phong trào bóng rổ ở Việt Nam; Tác dụng của môn bóng rổ đối với nhân cách và thể chất người tập; Luật bóng rổ và thiết bị sân bãi, dụng cụ; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.
- + Phần thực hành: Sinh viên tập luyện để nắm bắt được các kỹ thuật cơ bản của bóng rổ; Chiến thuật cơ bản; Thực tập thi đấu và trọng tài; Tổ chức thi đấu bóng rổ phong trào.

[GS93004] Giáo dục thể chất 4----- 0[0.1.1]

- + Phần lý thuyết bao gồm các nội dung về: chiến thuật và đề phòng chấn thương; một số trạng thái xấu của cơ thể và sơ cứu trong TDTT.
- + Phần thực hành: Sinh viên tập luyện để nắm bắt được kỹ thuật; Chiến thuật cơ bản của bóng rổ. Chiến thuật tấn công và phòng thủ liên phòng. Thực tập thi đấu; Trọng tài và tổ chức thi đấu môn bóng rổ.

## [2] Kiến thức Giáo dục đại cương

[AA19003] Tin học đại cương và thực hành----- 4[3.1.7]

- + Cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về tin học và truyền thông bao gồm các kiến thức về hệ điều hành, soạn thảo văn bản, phần mềm trình chiếu, các phần mềm xử lý đồ họa ở mức độ nhập môn. Từ đó giúp sinh viên nâng cao hiểu biết về tin học và vận dụng các kiến thức ấy vào từng môn học chuyên ngành.
- + Phần 1: Tin học đại cương
  - Cung cấp những kiến thức căn bản nhất để hiểu được về hệ điều hành, tệp và thư mục, các định dạng, công cụ tìm kiếm, ...
- + Phần 2: Các phần mềm cơ bản
  - Microsoft Word: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về sử dụng phần mềm, kỹ năng soạn thảo.
  - Microsoft Powerpoint: Cung cấp cho sinh viên kiến thức sử dụng phần mềm và kỹ năng trình bày, trình chiếu tài liệu thuyết trình cho các đề tài nghiên cứu.
- + Phần 3: Các phần mềm đồ họa cơ bản thiết yếu
  - Adobe Illustrator: Hướng dẫn cho sinh viên nắm bắt được các công cụ thiết yếu và kiến thức trực tiếp để giải quyết bài tập thực hành và đồ án bộ môn.
  - Adobe Photoshop: Hướng dẫn cho sinh viên nắm bắt được các công cụ thiết yếu trong quá trình xử lý hình ảnh, quy trình xử lý file, kết nối với các phần mềm khác nhằm tạo ra SP đủ chất lượng, đạt kết quả thực tế từng bộ môn.

[GS19001] Tiếng Anh 1----- 2[1.1.2]

- + Môn học Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên vốn kiến thức về ngữ pháp, từ vựng và những kiến thức cơ bản giao tiếp về một số chủ điểm thông thường. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và nói theo dạng đề thi TOEIC.

[GS19002] Tiếng Anh 2----- 2[1.1.2]

- + Môn học Tiếng Anh 2 nhằm củng cố các kiến thức và kỹ năng mà sinh viên đã đạt được ở Tiếng Anh 1; đồng thời cung cấp cho sinh viên vốn kiến thức mới về ngữ pháp, từ vựng và những kiến thức cơ bản về giao tiếp theo các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc, du lịch, các lĩnh vực quan tâm, các sự kiện đang diễn ra. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và nói theo dạng đề thi TOEIC.

[GS19003] Tiếng Anh 3----- 2[1.1.2]

- + Môn học Tiếng Anh 3 nhằm rèn luyện và củng cố các kiến thức và kỹ năng mà sinh viên đã đạt được ở Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2; đồng thời cung cấp và mở rộng cho sinh viên vốn kiến thức mới về ngữ pháp, từ vựng, kiến thức giao tiếp về các tình huống xã hội hàng ngày cũng như trong công việc quen thuộc thường nhật. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và nói theo dạng đề thi TOEIC.

[GS19004] Tiếng Anh 4----- 2[1.1.2]

- + Môn học Tiếng Anh 4 nhằm rèn luyện và củng cố các kiến thức và kỹ năng mà sinh viên đã đạt được ở Tiếng Anh 1, 2 và 3; đồng thời giúp sinh viên mở rộng vốn kiến thức mới về ngữ pháp, từ vựng, kiến thức giao tiếp trong các tình huống cuộc sống hàng ngày và trong công việc. Với kiến thức đã học, người học có thể tự học và nghiên cứu để nâng cao trình độ của mình nhằm phục vụ cho công việc sau này. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và nói theo dạng đề thi TOEIC.

[GS79005] Triết học Mác - Lênin ----- 3[3.0.6]

- + Triết học Mác - Lênin nghiên cứu quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.
- + Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng; ý thức xã hội; triết học về con người.

[GS79006] Kinh tế chính trị Mác - Lênin ----- 2[2.0.4]

- + Kinh tế chính trị học Mác - Lênin nghiên cứu những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Vận dụng của Đảng ta vào việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nền công nghiệp hóa, hiện đại hóa; vấn đề hội nhập kinh tế thế giới và lợi ích trong nền kinh tế.

[GS79007] Chủ nghĩa xã hội khoa học----- 2[2.0.4]

- + Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- + Nội dung môn học gồm 7 chương:

- Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH);
- Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH nhằm làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

[GS79008] Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam----- 2[2.0.4]

- + Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học mang tính tích cực tri thức từ các môn học khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và một số môn học chuyên ngành khác. Nghĩa là, ngoài việc tiếp cận theo phương pháp lịch sử cần vận dụng tri thức của các môn học gắn với đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo.
- + Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
- + Ngoài chương mở đầu, chương kết luận, nội dung gồm 3 chương:
  - Chương 1: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)
  - Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975)
  - Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018)
  - Chương kết luận: Những thắng lợi lịch sử và một số bài học lớn.

[GS79009] Tư tưởng Hồ Chí Minh----- 2[2.0.4]

- + Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

[GS29001] Pháp luật Việt Nam đại cương ----- 3[2.1.6]

- + Cung cấp những khái niệm cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Vai trò và giá trị xã hội của Nhà nước và Pháp luật trong đời sống xã hội.
- + Cung cấp những nội dung cơ bản về tổ chức Bộ máy nhà nước CHXHCNVN.
- + Cung cấp những nội dung cơ bản của các ngành luật: Luật Hiến pháp; Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự; Luật Dân sự, Luật tố tụng Dân sự; Luật Lao động; Luật Hôn nhân gia đình; và khái quát các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

[GS09010] Môn học tự chọn 1\_KHXHNV ----- 2[2.0.4]

- + Chọn một trong những môn học sau:
  - [GS09003] KHXHNV\_Kỹ năng giao tiếp----- 3[2.1.6]
  - [GS09011] KHXHNV\_Tiếng Việt thực hành----- 2[2.0.4]
  - [GS09021] KHXHNV\_Tiếng Anh chuyên ngành----- 3[2.1.6]

### [3] Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp

## Nhóm môn học chung của các chuyên ngành

[DE09001] Design đại cương----- 2[2.0.4]

- + Môn học nhằm giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức, hiểu biết cơ bản về lĩnh vực design như một ngành khoa học nghệ thuật ứng dụng có nhiều đóng góp cho xã hội, các ngành kinh tế và sản xuất công nghiệp.
- + Giúp sinh viên nắm được tổng quan về khái niệm, định nghĩa, phân hệ, chức năng và tiêu chí, các chuyên ngành design ứng dụng, những đặc điểm của design như designer, tác phẩm/SP/hàng hóa design, ngôn ngữ design, đặc điểm thẩm mỹ của design, những nguyên lý design cơ bản,... qua đó giúp cho sinh viên định hướng đúng đắn trong việc lựa chọn ngành nghề tương lai và nâng cao thể giới quan design.

[DE09002] Hình họa 1 ----- 3[1.2.4]

- + Hình họa 1 là một trong những môn học cơ sở đầu tiên trang bị những kiến thức và kỹ năng vẽ tay. Thông qua môn học này, sinh viên được luyện tập khả năng phân tích hình khối trong không gian 3 chiều với những quy luật về ánh sáng, phối cảnh, tỷ lệ, cấu trúc. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ thực hành phác họa và mô phỏng các khối, mẫu bằng chất liệu chi trên giấy. Đồng thời, sinh viên được nghiên cứu và thực hành diễn tả một số loại vật liệu thường gặp trong đời sống như gốm, sứ, kim loại, thủy tinh... Ngoài ra, sinh viên cũng được tập làm quen với môi trường thực hành tại xưởng, rèn luyện thái độ nghiêm túc, chịu khó trong học tập.

[DE09006] Hình họa 2 ----- 3[1.2.4]

- + Hình họa 2 tiếp tục trang bị những kiến thức và kỹ năng vẽ tay cơ bản, đặc biệt chú trọng đến vẽ vật thực bằng chất liệu màu nước/màu bột. Trọng tâm chủ yếu của môn học này là cung cấp kiến thức và kỹ năng sử dụng màu để diễn tả sự vật. Thông qua môn học, sinh viên tiếp tục được luyện tập khả năng phân tích hình khối trong không gian 3 chiều với những quy luật về ánh sáng, phối cảnh, tỷ lệ, cấu trúc... Đồng thời, sinh viên được nghiên cứu và thực hành diễn tả một số loại vật liệu thường gặp trong đời sống như gốm, sứ, kim loại, thủy tinh... bằng chất liệu màu nước/màu bột. Cuối môn học, sinh viên có 3 tuần để thực hành vẽ ký họa ngoài trời nhằm chuẩn bị kiến thức và kỹ năng cho kỳ thực tập mỹ thuật cơ sở.

[DE09003] Lược sử mỹ thuật Thế giới và Việt Nam ----- 3[3.0.6]

- + Khái lược về các giai đoạn hình thành và phát triển của nghệ thuật tạo hình thế giới luôn gắn liền với lịch sử tư tưởng thẩm mỹ và lịch sử văn minh thế giới từ các nền văn minh Cổ đại (Luỡng Hà, Ai Cập, Ăngkô, Ấn Độ, Trung Hoa, Hy Lạp, La Mã, ...) đến Mỹ thuật phục hưng, cổ điển, hiện thực tại Châu Âu cùng một số các nền mỹ thuật đặc sắc như Nhật bản, Nga, tới khuynh hướng, trường phái nghệ thuật Mốtéc và Hậu Mốtéc.
- + Khái lược về các giai đoạn phát triển của lịch sử mỹ thuật Việt Nam (kiến trúc, điêu khắc, đồ họa, ...) từ thời dựng nước (Đông Sơn), đến các thời: Lý, Trần, Hồ, Mạc, Lê, Nguyễn, Tây Sơn, ... Đặc biệt, điểm lược đề cập đến mỹ thuật tạo hình dân gian (Điêu khắc Đình làng, Tranh Dân gian, ...). Trình bày lược sử phát triển của nền mỹ thuật tạo hình Việt Nam hiện đại bắt đầu từ sự ra đời của trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương (1925); Mỹ thuật Việt Nam trong suốt hai cuộc kháng chiến từ năm 1954 – 1975; Từ khi đất nước thống nhất năm 1976 đến mở đầu thời kỳ Đổi mới 1986 và tiếp tục phát triển cho tới nay.

[DE09004] Nguyên lý thị giác----- 3[2.1.6]

- + Nguyên lý thị giác là môn khoa học cơ bản của mọi ngành nghệ thuật thị giác, được cấu thành từ các khoa học sinh học, khoa học tâm lý thị giác của con người.
- + Nguyên lý thị giác giúp sinh viên hiểu biết về tâm lý cảm thụ thị giác và các mặc định về cảm nhận thị giác, những giới hạn nhận biết của thị giác trong trường nhìn thị giác.
- + Giúp sinh viên có kiến thức nền tảng về nhận thức thị giác với những yếu tố gốc của design, để chuẩn bị cho sinh viên tiếp thu dễ dàng những bài học chuyên ngành nâng cao và trừu tượng hơn. Chuẩn bị cho cả những kỹ năng thao tác sử lý chất liệu với tâm lý thị giác, phục vụ cho việc thể hiện sáng tạo những mô hình môn học chuyên ngành.

[DE09005] Ergonomics----- 2[1.1.2]

- + Ergonomics là môn khoa học liên ngành, được cấu thành từ các khoa học về con người.
- + Ergonomics giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các giới hạn tự nhiên của con người, mối quan hệ giữa con người (sức khỏe) với môi trường (sự an toàn và thuận tiện) để tạo sự phù hợp, thuận tiện trong mọi hoạt động lao động, sinh hoạt, vui chơi... của con người.
- + Thông qua môn học, sinh viên hiểu được tầm quan trọng của nhân trắc học trong TK công nghiệp, bước đầu hình thành tư duy ứng dụng số liệu và các nghiên cứu nhân trắc nhân trắc vào lĩnh vực TK ứng dụng.

[DE09007] Vẽ kỹ thuật ----- 3[2.1.4]

- + Nội dung của học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các tiêu chuẩn, cách trình bày và biểu diễn vật thể trên bản vẽ kỹ thuật, cơ thể học của chữ, một số phương pháp vẽ hình học, hình chiếu trục đo, hình chiếu phối cảnh.

[DE09013] Nghệ thuật ảnh----- 2[1.1.2]

- + Nghệ thuật ảnh là môn học thiên về nghệ thuật thị giác là một trong những kỹ năng rất gần gũi với sinh viên học ngành TK và mỹ thuật (Mỹ thuật tạo hình, Mỹ thuật công nghiệp, TK kiến trúc, Xây dựng, ...).
- + Nắm bắt các kiến thức căn bản của nhiếp ảnh và kỹ năng sử dụng thành thạo sử dụng máy ảnh kỹ thuật số. Đó là điều kiện tiên quyết cho môn học kế tiếp là Ảnh Studio.

[DE09018] Cơ sở văn hóa Việt Nam ----- 2[2.0.4]

- + Học phần giúp sinh viên nắm được vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam; xác định tọa độ văn hóa Việt Nam, tiến trình văn hóa, các vùng văn hóa; và các thành tố văn hóa như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống vật chất xã hội, văn hóa tổ chức đời sống tinh thần tâm linh.

[DE09019] Lịch sử văn minh thế giới----- 3[3.0.6]

- + Học phần này giúp sinh viên nắm được những đặc trưng văn hóa và thành tựu các nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà, Ba Tư, A rập, Ấn Độ, Trung Hoa, Văn minh Phương Tây.

[DE09021] Lịch sử Design----- 3[2.1.6]

- + Lịch sử Design là môn học cơ sở của ngành thiết kế/design. Lịch sử Design (A History of Design) là một khoa học nghiên cứu về sự ra đời và phát triển của lĩnh vực nghệ thuật TK cùng những yếu tố cơ bản của sự phát triển đó.
- + Lịch sử Design là môn học có mục đích nhằm giải thích nghệ thuật TK như một hiện tượng xã hội và hiện tượng lịch sử. Lịch sử của Design (The History of Design) là đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Design. Đó là những cột mốc của những sự kiện, sự hình thành các hãng, các công ty, các nhà thiết kế, các SP/tác phẩm và những phong cách design đã tạo dựng nên dấu ấn lịch sử của Nghệ thuật Thiết kế.

[GS09022] Lịch sử TK SP ----- 3[2.1.6]

- + Nội dung của học phần cung cấp kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của ngành tạo dáng SP, bao gồm những khái niệm, định nghĩa cho đến quá trình hình thành, phát triển theo dòng thời gian, những biến động lịch sử về sau.
- + Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho sinh viên cái nhìn bao quát về những đặc thù trong phát triển (xu hướng, phong cách, tâm lí tiêu dùng, ảnh hưởng từ thị trường, kinh tế, xã hội...) của ngành TK SP tại một số quốc gia trên thế giới. Môn học đồng thời thể hiện và khẳng định rõ vai trò vô cùng trọng yếu của Design trong cuộc sống hàng ngày cũng như sự đóng góp không hề nhỏ cho nền văn minh, tính nhân văn.. của nhân loại, cho đến ngày nay.

[DE09022] Mỹ học đại cương----- 2[2.0.4]

- + Học thuyết mỹ học đã nảy sinh từ rất sớm trong lịch sử tư tưởng của nhân loại. Mỹ học là một ngành khoa học độc lập. Một trong những yếu tố quan trọng giúp mỹ học tách dần ra khỏi triết học là việc xác lập được đối tượng đặc thù của ngành khoa học này. Các học thuyết mỹ học trong quá khứ thường tập trung sự tìm tòi vào hai lĩnh vực chính: cái đẹp và nghệ thuật. Để nói một cách ngắn gọn, ta có thể coi toàn bộ đời sống thẩm mỹ và nghệ thuật là đối tượng nghiên cứu của mỹ học. Ở đây cần tránh nhầm lẫn khái niệm thẩm mỹ và mỹ học, thẩm mỹ hoàn toàn không phải là mỹ học. Thẩm mỹ là đối tượng, Mỹ học là khoa học nghiên cứu đối tượng ấy.

[DE09020] Ảnh studio----- 2[0.2.2]

- + Các kỹ thuật căn bản và ánh sáng trong việc chụp ảnh ở Studio
- + Ưu điểm và nhược điểm của việc chụp ảnh trong studio và ngoại cảnh
- + Giới thiệu và làm quen các loại thiết bị trong studio ảnh
- + Các phương thức chuẩn bị và tổ chức để chụp ảnh trong Studio.

[DE09023] Luật sở hữu trí tuệ----- 2[2.0.4]

- + Luật sở hữu trí tuệ bảo vệ các quyền tài sản và nhân thân của các cá nhân, tổ chức liên quan đến tài sản trí tuệ - loại tài sản đặc biệt phát sinh từ hoạt động sáng tạo trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, khoa học, sản xuất, kinh doanh. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đã được chứng minh là công cụ đắc lực cho phát triển kinh tế, đặc biệt là nền kinh tế tri thức mà Việt Nam đang hướng đến. Việc công nhận và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật, kỹ thuật, đổi mới khoa học, công nghệ, bảo đảm việc phân chia và sử dụng hiệu quả tài sản trí tuệ, hài hoà lợi ích giữa chủ thể sáng tạo, đầu tư và các chủ thể khác trong xã hội.
- + Đào tạo về sở hữu trí tuệ trong các trường đại học, đặc biệt là khối các trường đào tạo chuyên ngành luật và các chuyên ngành có liên quan đến sáng tạo nghệ thuật đã trở thành xu hướng tất yếu hiện nay trên thế giới. Môn học luật sở hữu trí tuệ nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức lí luận nền tảng về việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đồng thời tạo cơ sở cho sinh viên hình thành và phát triển kỹ năng áp dụng pháp luật sở hữu trí tuệ để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

[DE09008] Thực tập cơ sở ----- 1[0.1.1]

- + Thực tập cơ sở là môn học được tổ chức vào cuối năm thứ nhất, với mục đích giúp cho sinh viên làm quen với phương pháp lấy tư liệu thực tế. Vận dụng những kiến thức và kỹ năng có được sau hai học phần hình họa cơ bản, sinh viên sẽ được tham quan những cảnh quan đẹp, đặc trưng để ghi chép, ký họa, chụp ảnh dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên hình họa và nhiếp ảnh. Ngoài ra, thông qua quá trình làm việc và sinh hoạt tập thể, sinh viên có cơ hội rèn luyện tính kỷ luật, ý thức, trách nhiệm.

[DE19011] Thực tập chuyên ngành\_TK Sản phẩm ----- 2[0.2.2]

- + Thực tập chuyên ngành là môn học được tổ chức vào học kỳ hè năm thứ hai, với mục đích giúp cho sinh viên làm quen với môi trường thực tế, ứng dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể tại một doanh nghiệp, cơ sở sản xuất chuyên môn để khi ra trường có được một nền tảng kinh nghiệm nhất định, ứng dụng những kiến thức đã học qua việc thực hiện một số đồ án vào môi trường làm việc cụ thể. Môn học giúp cho việc lựa chọn đề tài cho việc thực hiện đồ án tốt nghiệp sau này của mỗi sinh viên, sinh viên có cơ hội rèn luyện tính kỷ luật, ý thức, trách nhiệm. Xây dựng kỹ năng học được từ thực tế thông qua trình thực tập, đối chiếu với những kiến thức đã học trong nhà trường và rút ra những kinh nghiệm cho bản thân.

[DE29011] Thực tập chuyên ngành\_TK Thời trang----- 2[0.2.2]

- + Thực tập chuyên ngành là môn học được tổ chức vào học kỳ hè năm hai, với mục đích giúp cho sinh viên làm quen với môi trường thực tế, ứng dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể tại một doanh nghiệp, cơ sở sản xuất chuyên môn. Thông qua môi trường làm việc thực tế này, môn học còn hướng đến giúp người học rèn luyện tính kỷ luật, ý thức, trách nhiệm, xây dựng kỹ năng học được từ thực tế thông qua trình thực tập, đối chiếu với những kiến thức đã học trong nhà trường và rút ra những kinh nghiệm cho bản thân.

[DE39011] Thực tập chuyên ngành\_TK Đồ họa----- 2[0.2.2]

- + Môn học Thực tập chuyên ngành giúp cho sinh viên vận dụng kiến thức ở trường vào công việc thực. Khi đăng ký môn học, sinh viên sẽ phải làm việc như một nhân viên thiết kế, một người lao động thực thụ tại doanh nghiệp, agency, hoặc cơ quan đơn vị có liên quan đến ngành nghề đã học.
- + Nội dung môn học được cá nhân hóa và hoàn toàn tùy thuộc vào kế hoạch được thỏa thuận giữa sinh viên, nhà tuyển dụng và nhà trường. Chương trình thực tập phải được nhà tuyển dụng chấp thuận trước khi sinh viên đăng ký môn học.
- + Số giờ thực tập được tính là 45 giờ = 1 tín chỉ. Sinh viên được đăng ký tối đa 6 tín chỉ (tương đương 6 tuần hoặc 270 giờ thực tập để đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp).

[DE49011] Thực tập chuyên ngành\_TK Nội thất----- 2[0.2.2]

- + Thực tập chuyên ngành là môn học được tổ chức vào học kỳ hè năm hai, với mục đích giúp cho sinh viên làm quen với môi trường thực tế, ứng dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể tại một doanh nghiệp chuyên về kiến trúc – nội thất hoặc liên quan TK xây dựng, cơ sở sản xuất chuyên môn. Thông qua môi trường làm việc thực tế này, môn học còn hướng đến giúp người học rèn luyện tính kỷ luật, ý thức, trách nhiệm, xây dựng kỹ năng học được từ thực tế thông qua trình thực tập, đối chiếu với những kiến thức đã học trong nhà trường và rút ra những kinh nghiệm cho bản thân.

### **Nhóm môn học của chuyên ngành TK SP**

[DE19001] Kỹ thuật mô hình SP----- 3[1.2.4]

- + Kỹ thuật mô hình SP là môn học nhằm cung cấp kiến thức và phương pháp chế tạo mô hình SP với những chất liệu khác nhau như đất sét, thạch cao, gỗ, giấy, plastic. Trên cơ sở đó, có khả năng giá định những loại vật liệu khác nhau để phục vụ cho những mô hình TK của mình.
- + Môn học cũng giúp cho sinh viên tiếp cận, làm quen với một số trang thiết bị, máy móc hỗ trợ cho quá trình thể hiện mô hình SP của mình.

[DE09009] Hình họa chuyên ngành 1\_TK SP ----- 3[1.2.4]

- + Nội dung của môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về hình họa, ký họa theo phong cách diễn họa SP tạo dáng. Học phần thiết lập kỹ năng quan sát và phân tích hình khối cấu tạo đối tượng; kỹ năng diễn họa nét, diễn họa màu, ký họa bằng các chất liệu thường được dùng trong TK như bút chì, bút sắt, màu nước, chì màu, marker... Đối tượng tập trung nghiên cứu và thể hiện là các SP TK tạo dáng có kích thước nhỏ cấu tạo đơn giản đến kích thước lớn cấu tạo phức tạp, các SP lao động cầm tay và điện tử.

[DE09014] Hình họa chuyên ngành 2\_TK SP ----- 3[1.2.4]

- + Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về hình họa và ký họa hình thể người toàn thân và các bộ phận của cơ thể người. Thông qua môn học, sinh viên nắm bắt được cách dựng hình tượng và người toàn thân, nghiên cứu sâu về dáng và động tác bàn tay. Đồng thời nghiên cứu sự tương tác giữa bàn tay-cơ thể người với vật dụng. Trên cơ sở, đó nhận diện mối liên hệ giữa hình dáng cấu tạo của vật dụng với đặc điểm cấu tạo cơ thể và các bộ phận, nhằm phục vụ cho mục đích TK sau này, tạo ra những sp có hình dáng dễ sử dụng và công năng thuận tiện, thoải mái nhất cho người sử dụng.

[DE19003] Mô tuýp và màu sắc trong TK SP ----- 3[1.2.4]

- + Mô tuýp và màu sắc trong TK SP là môn học trang bị kiến thức cho sinh viên có kiến thức và kỹ năng về màu sắc và xây dựng đường nét trong TK từ cơ bản đến nâng cao. Từ học phần này, người học ý thức được tỉ lệ, màu sắc, điểm, nét, mảng trong sáng tạo. Thông qua môn học, sinh viên ý thức được vai trò của người làm thiết kế, tự học, tự nghiên cứu để bổ sung kiến thức chuyên ngành, thường xuyên cập nhật xu hướng TK mới trên thế giới, xu hướng sử dụng màu, phong cách thiết kế.

[DE19004] Hình khối và chất liệu tạo bề mặt ----- 3[1.2.5]

- + Hình khối và chất liệu tạo bề mặt trong TK SP là môn học trang bị kiến thức cho sinh viên có kiến thức và kỹ năng về chất liệu và xây dựng hình khối trong TK bề mặt sản phẩm nâng cao. Từ học phần này, người học ý thức được tỉ lệ, màu sắc, chất liệu, hình khối trong sáng tạo bề mặt của sản phẩm. Thông qua môn học, sinh viên ý thức được vai trò của người làm thiết kế, tự học, tự nghiên cứu để bổ sung kiến thức chuyên ngành, thường xuyên cập nhật xu hướng TK mới trên thế giới, xu hướng sử dụng màu, khối, chất liệu trong các phong cách thiết kế.

[DE19002] Kỹ thuật thể hiện đồ án tạo dáng 1 ----- 3[1.2.4]

- + Môn học Kỹ thuật thể hiện đồ án 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức tin học chuyên ngành (thông qua công cụ máy vi tính) hỗ trợ cho việc thể hiện và trình bày ý tưởng TK về một SP tạo dáng cơ bản, đi từ hình thức phác thảo – sketch đến việc đưa ra bản vẽ kỹ thuật chi tiết, chính xác để có thể thi công SP trong thực tế.

[DE19005] Kỹ thuật thể hiện đồ án tạo dáng 2 ----- 4[2.2.6]

- + Môn học Kỹ thuật thể hiện đồ án 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nâng cao TK 2D và 3D:
  - Phát triển ý tưởng từ PSD, sketchup và autocad.
  - Dùng 3DS Max TK 2D thành 3D
  - Thiết lập bản vẽ và phân tích bản vẽ
  - Có thể Print 3D SP và dựng mô hình thật

[DE19006] Văn hóa và phong cách trong TK sản phẩm ----- 3[1.2.4]

- + Nội dung của học phần cung cấp kiến thức cơ bản về những yếu tố lịch sử, văn hóa tác động đến tính thẩm mỹ trong TK SP qua từng thời kỳ phát triển. Đồng thời, cung cấp kiến thức về các trào lưu lớn trong lĩnh vực tạo dáng SP.

- [DE13022] Nghệ thuật thủ công truyền thống Việt Nam----- 2[1.1.3]
- + Nội dung của học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các ngành nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống ở nước ta. Bao gồm: chạm, khắc, đục, khảm (kim loại, gỗ, đá, gốm, ...); đan, thêu (mây, tre, lá, ...); dệt, may (thổ cẩm, lụa, ...). Từ toàn cảnh đến đặc trưng về nghệ thuật, kỹ thuật cũng như những ứng dụng trong đời sống, văn hóa, nhân sinh, ... hiện nay.
- [DE19016] Tư duy thiết kế----- 3[2.1.6]
- + Tư duy TK là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, quy tắc nền tảng về logic và phương pháp tư duy để hình thành và phát triển ý tưởng. Giới thiệu cho Sinh viên các tính chất, quy luật, nguyên lý của tư duy con người và sau đó tập trung ứng dụng các nguyên lý này vào việc suy nghĩ, quyết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả. Tìm hiểu đặc điểm tư duy của người Việt.
- [DE19008] Nguyên lý TK trong TK SP----- 2[1.1.4]
- + Nguyên lý TK trong TK SP là môn học nhằm cung cấp kiến thức tổng quan về lịch sử ngành, các nguyên lý TK chuyên ngành TK tạo dáng SP. Từ những kiến thức lý thuyết được cung cấp, sinh viên thực hiện các đề tài nghiên cứu, seminar và các bài tập ứng dụng nguyên lý TK cụ thể.
- [DE19010] Vật liệu trong TK SP ----- 2[1.1.3]
- + Vật liệu trong TK SP là môn học nhằm cung cấp kiến thức tổng quan về vật liệu chế tạo SP, từ khái niệm, phân loại, mục đích, tính chất vật lý, tính kinh tế và tính thẩm mỹ cho đến ngôn ngữ vật liệu trong TK tạo dáng SP công nghiệp. Ứng dụng vật liệu vào bài tập tạo mẫu đầu tiên.
- [DE19007] Chế tác trang sức ----- 2[1.1.3]
- + Môn học Chế tác trang sức là môn học thực hành cung cấp kiến thức về lịch sử phát triển ngành trang sức, cách thức phân loại các SP, gọi tên từng chủng loại và các yếu tố liên quan xung quanh lĩnh vực thiết kế, sản xuất và sử dụng các SP về trang sức như: nhân trắc học, vật liệu, kỹ thuật, kỹ thuật chế tác, sản xuất, trưng bày phong cách, trào lưu... từ đó thực hành TK và chế tác trang sức một cách phù hợp.
- [DE19009] Trang trí SP ----- 2[1.1.3]
- + Xây dựng kiến thức về SP trang trí thông qua giới thiệu một số SP trang trí tiêu biểu, tìm hiểu xu hướng thị trường (màu sắc, vật liệu, dạng thức); giới thiệu ảnh hưởng của văn hóa phong cách trong TK để áp dụng trong TK SP trang trí xu hướng TK nay; hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thực hiện hồ sơ TK và mô hình một đề tài cụ thể.
- [DE19013] TK công cụ cầm tay----- 2[1.1.3]
- + Xây dựng kiến thức về SP trang trí thông qua giới thiệu một số SP trang trí tiêu biểu, tìm hiểu xu hướng thị trường (màu sắc, vật liệu, dạng thức); giới thiệu ảnh hưởng của văn hóa phong cách trong TK để áp dụng trong TK SP trang trí xu hướng TK nay; hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thực hiện hồ sơ TK và mô hình một đề tài cụ thể.
- [DE19017] TK đồ chơi ----- 2[1.1.3]
- + TK đồ chơi là môn học dạng đồ án nhằm cung cấp kiến thức tổng quan về các SP đồ chơi dành cho trẻ em ở mọi lứa tuổi. Sinh viên được tìm hiểu và tiếp xúc với một dạng đối tượng đặc biệt từ tâm sinh lý, ergonomic. Từ đó phân tích được nhu cầu và phương pháp giáo dục cho từng độ tuổi của đối tượng đó. Cuối cùng, sinh viên đưa ra được những giải pháp TK một SP đồ chơi, sao cho đạt được những tiêu chí đặt ra trong môn học cũng như thực tiễn xã hội.

- [DE19018] Thực hành thiết bị ----- 2[0.2.3]
- + Môn học thực hành dành cho sinh viên Thiết kế sản phẩm tại nhà thực hành.
  - + Môn học này hướng dẫn cho sinh viên hệ thống và quy trình làm việc và thực hành tại nhà thực hành của bộ môn.
  - + Nhà thực hành cung cấp tất cả các máy móc: Máy cưa, cắt, uốn, máy cắt CNC, lò nung gốm, máy sơn, thiết bị chế tác chi tiết, ... để từ đây, sinh viên có thể thực hiện các sản phẩm của mình thiết kế thành sản phẩm thật.
  - + Sinh viên hiểu rõ quy trình thực hiện sản phẩm theo dây chuyền thực tế.
- [DE19019] Thực hành TK SP Gốm sứ ----- 2[1.1.3]
- + Môn học Đồ án TK SP gốm sứ cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về lịch sử phát triển của đồ gốm và giới thiệu một số dòng gốm tiêu biểu trên thế giới. Môn học cũng trình bày khái quát về lịch sử phát triển nghệ thuật gốm sứ Việt Nam, cũng như thực trạng làng nghề và doanh nghiệp gốm ở Việt Nam trong thời điểm hiện tại.
  - + TK Gốm sứ là môn học dạng đồ án nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng tổng quan về các SP làm bằng chất liệu gốm sứ như: ly tách, chén bát, vật dụng trang trí gia đình, sản phẩm trang trí nội ngoại thất. Sinh viên được tìm hiểu và tiếp xúc với kỹ thuật chế tác, tạo hình bằng đất sét, kỹ thuật phủ men và cuối cùng là nung thành phẩm thật.
  - + Đặc biệt, môn học cung cấp kiến thức về những phương pháp kỹ thuật và vật liệu trong quá trình thi công, chế tác SP gốm sứ. Đây là những kiến thức nền tảng để sinh viên có thể vừa thiết kế, vừa là người trực tiếp chế tác nên SP của mình.
- [DE13028] Thực hành TK SP thủ công truyền thống ----- 2[1.1.3]
- + Môn học cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng khai thác nguồn tài nguyên địa phương, ứng dụng kỹ thuật và nghệ thuật vào sản xuất sản phẩm tại địa phương. Từ đó, tạo cho người học một góc nhìn mới về giá trị truyền thống các làng nghề, nghệ nhân, và sản phẩm địa phương độc đáo.
- [DE19020] Đồ án TK đèn trang trí ----- 2[1.1.3]
- + TK đèn trang trí là môn học dạng đồ án nhằm cung cấp kiến thức tổng quan về các SP đèn trang trí nội và ngoại thất dành cho các loại hình không gian khác nhau. Sinh viên được tìm hiểu và tiếp xúc với một dạng SP trang trí được phát sáng. Từ đó, phân tích được nhu cầu, tính năng và đặc điểm của các loại đèn trang trí khác nhau. Cuối cùng, sinh viên đưa ra được những giải pháp TK một SP đèn trang trí, sao cho đạt được những tiêu chí đặt ra trong trong môn học cũng như thực tiễn xã hội.
- [DE13026] Đồ án TK Furniture ----- 2[1.1.3]
- + Đồ án Furniture cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên biệt về Furniture bao gồm: cách phân loại, tên gọi, và các yếu tố tác động trực tiếp đến TK Furniture như các yếu tố nhân trắc học, công thái học, vật liệu, kỹ thuật và yếu tố khác.
- [DE13020] Chuyên đề 1\_TK SP ----- 2[1.1.3]
- + Chọn một trong những môn học sau:
    - [DE09024] Nghệ thuật trang trí công cộng ----- 2[1.1.3]
    - [DE09028] Xây dựng quy trình TK thời trang ----- 2[1.1.3]
    - [DE09030] Nghệ thuật bố cục trình bày ----- 2[1.1.3]
    - [DE09036] Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày SP ----- 2[1.1.3]
- [DE13023] Chuyên đề 2\_TK SP ----- 2[1.1.3]
- + Chọn một trong những môn học sau:
    - [DE09037] Phong thủy ----- 2[1.1.3]

-	[DE09038]	Ứng dụng kỹ thuật thể hiện tranh in dương đại -----	2[1.1.3]
-	[DE09039]	Phương pháp nhận diện ADN của thương hiệu -----	2[1.1.3]
-	[DE19012]	Phương pháp tìm ý trong TK SP -----	2[1.1.4]
	[DE13027]	Đồ án tự chọn_TK SP -----	2[1.1.3]
+	Chọn một trong những môn học sau:		
-	[DE13030]	Đồ án TK giày dép -----	2[1.1.3]
-	[DE13031]	Đồ án TK phương tiện giao thông -----	2[1.1.3]
	[DE13029]	Đồ án tổng hợp_TK SP -----	3[1.2.5]

### **Nhóm môn học của chuyên ngành TK thời trang**

	[DE23023]	Lịch sử thời trang -----	2[1.1.4]
+	Lịch sử thời trang là môn học cung cấp kiến thức chuyên môn về lịch sử, quá trình hình thành và phát triển của trang phục. Thông qua đó người học sẽ nắm rõ các sự kiện lịch sử có liên quan tới trang phục và nhận thức ra ý nghĩa của các thể loại trang phục mang tính biểu trưng. Môn học còn cung cấp kiến thức quan trọng về sự hình thành của ngành công nghiệp Thời Trang (fashion industry) cùng với sự ra đời và phát triển của các xu hướng (trends) và phong cách thời trang (styles) theo các giai đoạn lịch sử mang tính cột mốc. Đây là những kiến thức đóng vai trò nền tảng trong việc hình thành tư duy và phong cách thiết kế cho người học sau này.		
	[DE29007]	Văn hóa và phong cách trong TK thời trang -----	3[1.2.5]
+	Là môn học kết hợp giữa lý thuyết – thảo luận phân biện và thực hành. Qua môn học này sinh viên bước đầu tiếp cận và làm quen các khái niệm chuyên ngành như văn hóa, phong cách, ... Vận dụng các phương pháp phát triển ý tưởng, xây dựng "câu chuyện" cho các TK của mình từ đơn giản đến hoàn thiện.		
	[DE29002]	Mô tuýp và màu sắc trong TK thời trang -----	3[1.2.5]
+	Màu sắc là nền tảng căn bản trong thiết kế. Môn học nhằm hướng trang bị những kiến thức nền tảng về quy tắc pha phối màu sắc, cách tạo nên mô tuýp và vận dụng vào chuyên môn TK thời trang.		
	[DE29006]	Nguyên lý TK thời trang -----	3[1.2.5]
+	Nguyên lý TK trang phục là môn học lý thuyết có thực hành.		
+	Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lý TK thời trang, ngôn ngữ tạo hình trong TK trang phục và các quy luật về bố cục, đường nét, hình dáng, chất liệu, màu sắc, ... trang phục, lịch sử ngành TK thời trang và nguyên lý TK cho từng loại SP thời trang, đồng thời giúp sinh viên nắm vững và vận dụng tốt các yếu tố cơ bản trong TK thời trang, các phương pháp nghiên cứu, thảo luận, sưu tầm tư liệu, ... bước đầu giúp sinh viên thực hiện bản vẽ TK thời trang.		
	[DE29009]	Chất liệu và xử lý chất liệu TK Thời trang -----	3[1.2.5]
+	Vải là vật liệu chính trong TK thời trang. Môn học Chất liệu may mặc nhằm hướng trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về chất liệu vải, từ cách thức nhận biết bề mặt cho đến tính chất của nhiều loại chất liệu vải khác nhau. Môn học cung cấp kiến thức nền tảng trong việc nhận biết và phân biệt chất liệu. Giúp sinh viên hình thành kỹ năng trong việc lựa chọn, xử lý và phối hợp chất liệu trong công việc TK trang phục.		
	[DE09010]	Hình họa chuyên ngành 1_TK Thời trang -----	3[1.2.4]
+	Môn học trang bị cho sinh viên lý thuyết và kỹ thuật cơ bản để vẽ người mẫu trong nhiều tư thế khác nhau, bằng các chất liệu cơ bản như bút chì, bút sắt, màu nước. Sinh		

viên được cung cấp kiến thức về giải phẫu tạo hình và thực hành làm quen với các bài vẽ tượng trước. Sau khi đã nắm bắt được những cấu trúc cơ bản về tỉ lệ, trục, hình khối cơ thể người, từ đó sinh viên sẽ có những cơ sở cần thiết để tập vẽ người thật. Việc liên tục vẽ với người mẫu thật nhằm phát triển kỹ năng quan sát cho người học, nâng cao sự hiểu biết về cơ thể người và kỹ năng hình họa.

[DE09015] Hình họa chuyên ngành 2\_TK Thời trang ----- 3[1.2.4]

+ Môn học cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng về diễn họa thời trang, diễn họa trang phục. Thông qua môn học, sinh viên nắm được cách vẽ cơ thể người cách điệu theo tỉ lệ kéo dài, nghiên cứu phác họa cơ thể ở nhiều tư thế tạo dáng khác nhau, cách diễn tả trang phục, người mẫu mặc trang phục và kỹ thuật sử dụng chất liệu thường dùng trong diễn họa thời trang như bút chì, bút sắt, màu nước, chì màu, marker,... Kết thúc môn học, sinh viên hoàn thành một bộ sketch dáng để phục vụ cho mục đích TK sau này.

[DE29001] Kỹ thuật thể hiện đồ án thời trang 1 ----- 3[1.2.5]

+ Môn học giúp cho sinh viên hiểu rõ những kiến thức cơ bản từ việc chọn ý tưởng, viết đề cương, viết cơ sở luận, đề ra phương án, vẽ phác thảo, xử lý mẫu để có thể thể hiện một đồ án chuyên ngành thời trang một cách logic, hợp lý, và vận dụng các phương pháp nghiên cứu, trình bày ý tưởng thời trang đạt hiệu quả cao nhất.

[DE29005] Kỹ thuật thể hiện đồ án thời trang 2 ----- 3[1.2.5]

+ Nội dung của học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các lệnh, thao tác, quy trình làm việc với phần mềm Illustrator và Photoshop để vận dụng thực hiện ý tưởng TK thời trang, poster...

[DE29004] Kỹ thuật mô hình thời trang 1 ----- 3[1.2.5]

+ Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng về kỹ thuật phủ vải, nilon, giấy lên mannequin mẫu tạo nên những kiểu bóng trang phục cơ bản. Sau đó sáng tạo mẫu với những đường rã cúp bay bổng, không giới hạn, triệt tiêu những đường ben đơn điệu, tạo khối, tạo những dạng dún, xếp, ... đặc biệt là kỹ thuật phẳng hóa những khối 3D thành những mảnh rập 2D để may mẫu thử, hoàn chỉnh mẫu thử và thực hiện SP thật.

[DE29010] Kỹ thuật mô hình thời trang 2 ----- 3[1.2.5]

+ Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng về kỹ thuật tạo hình, tạo khối nâng cao ngay trên cấu trúc trang phục, đặc biệt là kỹ thuật phẳng hóa những khối 3D. Với kỹ thuật làm rập 3D vải, giấy, nilon và tăng volum, sinh viên có nhiều sự biến hóa thích thú và sự chính xác khá hoàn hảo mà giấy (2D) và bút chì khó có thể tự thực hiện được, nó thoát khỏi những cách cắt may truyền thống, có khi triệt tiêu đường may.

[DE29003] Kỹ thuật cắt may 1 ----- 3[1.2.4]

+ Là môn học có trọng tâm là thực hành, rèn luyện kỹ năng. Môn học nhằm hướng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách lấy số đo, dụng cụ trong may mặc, phương pháp TK rập, công nghệ may, ... Giúp sinh viên nắm vững và vận dụng tốt các kỹ thuật cơ bản trong cắt may thời trang nhằm hướng tới mỗi sinh viên đều có thể tự thực hiện các SP TK thời trang của mình. Môn học là nền tảng vững chắc trong việc thiết kế, ứng dụng trong các đồ án thực tế của những học kỳ sau.

[DE29008] Kỹ thuật cắt may 2 ----- 3[1.2.5]

+ Kỹ thuật cắt may 2 là môn học có trọng tâm là thực hành, rèn luyện kỹ năng. Môn học nhằm hướng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách lấy số đo, dụng cụ trong may mặc, phương pháp TK rập, công nghệ may,... Giúp sinh viên nắm vững và

vận dụng tốt các kỹ thuật cơ bản trong cắt may thời trang nhằm hướng tới mỗi sinh viên đều có thể tự thực hiện các SP TK thời trang của mình.

[DE29016] Nghệ thuật trang điểm ----- 2[1.1.3]

- + Nghệ thuật trang điểm: điểm là một chuyên đề nghiên cứu của chuyên ngành TK thời trang. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức chung, những kỹ năng cơ bản, khả năng tư duy sáng tạo để thể hiện cụ thể các tác phẩm dựa trên nghiên cứu riêng của mỗi sinh viên. Ngoài ra, việc nghiên cứu chuyên đề còn giúp hình thành cho sinh viên kỹ năng trang điểm với các phong cách đa dạng trong lĩnh vực thời trang, giúp sinh viên kết hợp các phong cách trang điểm phù hợp với các ý tưởng TK trang phục. Trang điểm đóng vai trò quan trọng trong việc làm tôn thêm vẻ đẹp và ý nghĩa truyền đạt ý tưởng của nhà thiết kế.

[DE29012] Đồ án TK trang phục trẻ em ----- 2[1.1.3]

- + Môn học giúp sinh viên nắm vững kỹ năng phân tích đối tượng trẻ em theo các nhóm tuổi khác nhau và xu hướng thời trang đương đại để từ đó kết hợp với ý tưởng của từng sinh viên và cho ra đời một bộ sưu tập thời trang trẻ em vừa đáp ứng được nhu cầu xã hội, vừa có tính thẩm mỹ và tính sáng tạo cao.

[DE29013] Đồ án TK trang phục cho dáng người đặc biệt ----- 2[1.1.3]

- + Môn học trang bị cho sinh viên phương pháp làm việc có kế hoạch cụ thể trên cơ sở thực tế, phương pháp nghiên cứu đối tượng khách hàng, tìm tòi giải pháp TK trang phục cho những người có dáng đặc biệt. Đồ án này còn giúp sinh viên nắm vững kỹ năng phân tích đặc điểm hình thể của đối tượng khách hàng, phân tích xu hướng thời trang đương đại để từ đó vận dụng yếu tố nguyên lý thị giác kết hợp với ý tưởng, xu hướng cho ra đời một bộ sưu tập trang phục nhằm tôn lên những ưu điểm, hạn chế những khuyết điểm của đối tượng sử dụng.

[DE29014] Đồ án TK trang phục công sở ----- 2[1.1.3]

- + Môn học trang bị cho sinh viên phương pháp làm việc có kế hoạch cụ thể như thực tế yêu cầu, phương pháp nghiên cứu đối tượng khách hàng, tìm tòi giải pháp TK trang phục công sở, đồng phục, ...

[DE29015] Đồ án TK trang phục nội y ----- 2[1.1.3]

- + Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về các phong cách thời trang nội y, kết cấu, chất liệu, phương pháp sáng tạo trang phục nội y ứng dụng và thể hiện ý tưởng. Đồng thời, môn học còn góp phần củng cố kiến thức cho sinh viên về kỹ thuật dựng hình thời trang và xử lý chất liệu. Từ đó, hỗ trợ sinh viên thực hiện hoàn chỉnh một bộ sưu tập nội y.

[DE23018] Đồ án TK trang phục lễ hội ----- 2[1.1.3]

- + Môn học trang bị cho sinh viên phương pháp làm việc có kế hoạch cụ thể như thực tế yêu cầu, phương pháp nghiên cứu đối tượng khách hàng, tìm tòi giải pháp TK trang phục ứng dụng trong các dịp lễ, hội, carnival, ... Giúp sinh viên nắm vững và vận dụng tốt các yếu tố cơ bản trong TK thời trang, các phương pháp nghiên cứu, thảo luận, sưu tầm tư liệu, ... Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên nắm vững kỹ năng nghiên cứu, phân tích các dạng trang phục của các nền văn hóa khác nhau, kết hợp với việc phân tích xu hướng thời trang đương đại để ứng dụng vào việc TK trang phục lễ hội đặc trưng của từng nền văn hóa.

[DE23019] Đồ án TK trang phục thể thao ----- 2[1.1.3]

- + Môn học nhằm hướng trang bị cho sinh viên những kiến thức về TK trang phục thể thao và trang phục dạo phố mang phong cách thể thao, phương pháp làm việc có kế hoạch cụ

thể như thực tế yêu cầu, phương pháp nghiên cứu đối tượng khách hàng, tìm tòi giải pháp TK trang phục thể thao.

[DE23022] Đồ án tự chọn\_TK Thời trang----- 2[1.1.3]

+ Chọn một trong những môn học sau:

- [DE23024] Đồ án TK trang phục trình diễn ấn tượng----- 2[1.1.3]

- [DE23025] Tham gia thi TK thời trang ----- 2[1.1.3]

- [DE23026] TK phụ kiện ----- 2[1.1.3]

[DE23021] Đồ án tổng hợp\_TK Thời trang ----- 3[1.2.5]

+ Đây là đồ án tổng hợp, khái quát lại tất cả các bước cần thiết của một quy trình TK trong đó tập trung nhiều vào nghiên cứu nhằm đưa sinh viên tiếp cận gần với thực tế thị trường thời trang một cách gần gũi và tổng quan hơn. Bên cạnh đó đồ án này sẽ phần nào tạo ra một bước đệm để sinh viên tiếp cận gần hơn với quy trình công việc của nhà TK trên thực tế.

[DE23017] Chuyên đề 1\_TK Thời trang----- 2[1.1.3]

+ Chọn một trong những môn học sau:

- [DE09024] Nghệ thuật trang trí công cộng ----- 2[1.1.3]

- [DE09028] Xây dựng quy trình TK thời trang ----- 2[1.1.3]

- [DE09030] Nghệ thuật bố cục trình bày----- 2[1.1.3]

- [DE09036] Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày SP ----- 2[1.1.3]

[DE23020] Chuyên đề 2\_TK Thời trang----- 2[1.1.3]

+ Chọn một trong những môn học sau:

- [DE09033] Draping nâng cao----- 2[1.1.3]

- [DE09035] Minh họa thời trang ----- 2[1.1.3]

- [DE09037] Phong thủy ----- 2[1.1.3]

- [DE09038] Ứng dụng kỹ thuật thể hiện tranh in dương đại----- 2[1.1.3]

- [DE09039] Phương pháp nhận diện ADN của thương hiệu----- 2[1.1.3]

- [DE19012] Phương pháp tìm ý trong TK SP ----- 2[1.1.4]

#### **Nhóm môn học của chuyên ngành TK đồ họa**

[DE39008] Văn hóa và phong cách trong TK đồ họa----- 3[1.2.4]

+ Văn hóa và phong cách trong TK đồ họa là môn học trang bị kiến thức cho sinh viên có cơ sở và phương pháp luận vững vàng khi thực hiện một SP TK đồ họa, designer cần hiểu rõ về văn hóa, nguồn gốc và các tính chất liên quan đến phong cách, xu thế của nền văn hóa đó. Môn văn hóa và phong cách cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nền văn hóa, các nền văn hóa chính có liên quan và được sử dụng trực tiếp trong lịch sử TK đồ họa trên thế giới. Thông qua các bài tập ứng dụng chất liệu, sinh viên hiểu được nguyên nhân hình thành các nền văn hóa các trào lưu TK đồ họa chính. Từ đó vận dụng vào các đồ án chuyên ngành tiếp theo và các SP TK của mình.

[DE39003] Mô tuýp và màu sắc trong TK đồ họa----- 3[2.1.5]

+ Mô tuýp và màu sắc trong TK đồ họa là môn học trang bị kiến thức cho sinh viên về các nguyên tắc phối màu cơ bản màu, cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về màu sắc và bố cục các dạng hình khối qua các bài học về màu sắc và tương tác chất liệu trong ngành TK đồ họa. Thông qua môn học sinh viên nắm rõ những khái niệm và chức năng của từng loại màu sắc, từng loại bố cục để ứng dụng một cách hiệu quả nhất cho các môn học, đề án tiếp theo của chuyên ngành đồ họa.

- [DE39007] Nguyên lý TK đồ họa----- 2[1.1.4]
- + Nguyên lý TK đồ họa là môn học trang bị kiến thức cho sinh viên về những yếu tố và nguyên lý thiết kế, nguyên tắc hình ảnh trong TK thông qua những bài tập sáng tạo nhằm khuyến khích sự trải nghiệm và phát triển theo cách thức riêng của từng cá nhân. Mục tiêu chính của môn học này là khuyến khích sinh viên phát triển và luyện tập thành thục những kỹ năng về tư duy và kỹ thuật đối với những yếu tố đồ họa cơ bản giúp phân biệt một nhà TK đồ họa với một kỹ thuật viên vi tính. Một Graphic Designer – người có thể giải quyết vấn đề một cách sáng tạo – là người được đào tạo để nghĩ ra, lên kế hoạch, và thể hiện TK nhằm truyền đạt ý tưởng một cách giàu hình ảnh và trí tưởng tượng đến một số đối tượng người xem nhất định bằng bất cứ phương tiện truyền đạt nào. Để hình ảnh được truyền đạt hiệu quả đòi hỏi nhà TK đồ họa phải nắm vững cũng như vận dụng thành thạo các yếu tố và nguyên lý TK đồ họa.
- [DE09011] Hình họa chuyên ngành 1 \_TK Đồ họa----- 3[1.2.4]
- + Hình họa chuyên ngành 1 – TK Đồ họa là môn học bước đầu vận dụng các kiến thức, kỹ năng ở hai học phần hình họa trước theo hướng phục vụ cho chuyên ngành (đặc biệt những đồ án TK có sử dụng yếu tố tạo hình nhân vật). Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về tỷ lệ cơ thể người; những kỹ năng đo đạc, dựng hình để có thể phác họa tư thế, dáng và chân dung người mẫu, chủ yếu ở chất liệu bút chì, bút sắt. Đồng thời, môn học cũng hướng đến việc rèn luyện cho sinh viên tính nghiêm túc, chịu khó, chủ động trong học tập.
- [DE09016] Hình họa chuyên ngành 2 \_TK Đồ họa----- 3[1.2.4]
- + Hình họa chuyên ngành 2 – TK Đồ họa là môn học nối tiếp với môn học Hình họa chuyên ngành 1 – TK Đồ họa, với trọng tâm là tiếp tục nâng cao những kiến thức và kỹ năng của sinh viên về phác họa cơ thể người, đặc biệt là kỹ năng dựng hình, bố cục người mẫu với các dáng tĩnh, động kèm theo không gian bối cảnh, ở nhiều góc nhìn khác nhau. Đồng thời, môn học cũng hướng đến việc rèn luyện kỹ năng thể hiện nhân vật bằng chất liệu màu và bước đầu triển khai ngôn ngữ cách điệu.
- [DE39002] Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 1----- 3[1.2.4]
- + Kỹ thuật thể hiện đồ án 1: là môn học thực hành kỹ năng sử dụng phần mềm TK minh họa (Adobe Illustrator) và phẩm mềm TK dàn trang (Adobe Indesign). Sinh viên sẽ được cung cấp và rèn luyện các kỹ năng phát triển đồ án theo từng bước từ phác thảo, tư duy đến hoàn thiện và thuyết trình giới thiệu SP.
- [DE39004] Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 2----- 3[1.2.4]
- + Kỹ thuật thể hiện đồ án 2 là môn học tìm hiểu phần mềm đồ họa Photoshop và Flash và ứng dụng nó như một công cụ để triển khai ý tưởng cho các đồ án chuyên ngành của sinh viên.
- [DE39001] Kỹ thuật mô hình đồ họa----- 3[1.2.4]
- + Kỹ thuật mô hình đồ họa là môn học trang bị kiến thức cho sinh viên những kỹ năng về hình khối thông qua các bài học về hình khối và tương tác chất liệu trong ngành TK đồ họa. Thông qua môn học sinh viên nắm rõ những khái niệm và chức năng của từng hình dạng khối, chất liệu tương thích, nhằm mục đích hỗ trợ và hiểu sâu hơn những ứng dụng thực tế của lĩnh vực này trong công việc hiện tại của thị trường TK đồ họa đang ngày càng mở rộng và cập nhật nhiều xu hướng TK mới như: 3D design, Decoration, ...
- [DE39005] Mô hình đồ họa----- 3[1.2.4]

- + Mô hình đồ họa là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng về khối thông qua các bài tập tương tác chất liệu trong ngành TK đồ họa. Sinh viên sẽ phải nghiên cứu một trong các nền văn minh và nét văn hóa đặc trưng. Từ đó sinh viên xây dựng một SP mô hình window display mô tả sự kiện lễ hội của nền văn hóa đó. Thông qua môn học sinh viên hiểu sâu hơn những ứng dụng thực tế của lĩnh vực này trong công việc hiện tại của thị trường TK đồ họa đang ngày càng mở rộng và cập nhật nhiều xu hướng TK mới như: 3D Design, Decoration, ...

[DE39006] Nghệ thuật chữ----- 3[2.1.5]

- + Nghệ thuật chữ là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và khái niệm về nghệ thuật chữ, lịch sử hình thành và phát triển của chữ viết, cấu trúc và phân loại chữ viết theo bộ chữ Latin. Giới thiệu những ứng dụng của chữ trong TK đồ họa, những trào lưu mới trong TK chữ đương đại. Nắm rõ cách sử dụng các kiểu chữ hợp lý dựa trên nền tảng nghiên cứu và kiến thức. Hiểu rõ tầm quan trọng cũng như nét đặc trưng riêng của yếu tố chữ trong thiết kế.

[DE39009] Minh họa nhân vật ----- 2[1.1.3]

- + Minh họa nhân vật là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong quy trình sáng tác, minh họa nhân vật. Các phong cách vẽ minh họa của các họa sỹ thế giới và Việt Nam. Cách sử dụng walcom và phát triển kỹ năng vẽ sketch, nắm bắt hình ảnh khái quát. Là cơ sở cho đồ án minh họa sau này.

[DE39010] Quảng cáo đại cương ----- 3[3.0.6]

- + Quảng cáo đại cương là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quảng cáo, tiếp thị, thương hiệu và truyền thông. TK ứng dụng trong quảng cáo. Giúp sinh viên hiểu rõ những loại hình TK trong tiếp thị, quảng cáo, thương hiệu và truyền thông, nắm rõ quy trình thực hiện các loại hình quảng cáo, cũng như những TK ứng dụng trong từng loại hình quảng cáo.

[DE39014] Nguyên lý TK bao bì ----- 2[1.1.3]

- + Nguyên lý TK bao bì là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính công năng và thẩm mỹ của bao bì trong TK 2D và 3D. Cách sử dụng chữ trên bao bì, cách gấp xếp tạo các mẫu bao bì. Nghiên cứu cấu trúc hình dáng không gian để phù hợp với SP bao gói và không ảnh hưởng đến chất lượng SP bên trong.

[DE09029] Kỹ thuật in ấn ----- 2[1.1.3]

- + Kỹ thuật in ấn là môn học giúp học viên tìm hiểu quy trình và kỹ thuật hoàn thiện ấn phẩm sau khi thiết kế. Các thông số và tiêu chuẩn cần xác lập trong quá trình thiết kế.

[DE33024] Kỹ thuật tranh khắc trong TK đồ họa ----- 2[1.1.3]

- + Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đồ họa truyền thống tranh khắc. Tìm hiểu các thể loại tranh khắc trên thế giới và Việt Nam như tranh Đông Hồ, Hàng Trống, Làng Sình, ... Sinh viên làm quen với kỹ thuật khắc, in thủ công và ứng dụng những kiến thức đã học để sáng tác ra những bộ tranh đa dạng, chủ đề phong phú.

[DE39012] Đồ án Chữ và tín hiệu ----- 2[1.1.3]

- + Đồ án đồ họa chữ và tín hiệu là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức dựa trên nền tảng bộ môn nghệ thuật chữ căn bản, đồ án chữ nhằm hướng dẫn sinh viên thực hiện những nghiên cứu sâu về tính ứng dụng của chữ trong TK đồ họa và giúp sinh viên khám phá Typography như một hình ảnh. Bằng những bài tập mang tính khơi gợi cảm xúc phát triển thể giới quan của mỗi sinh viên, giảng viên sẽ định hướng cho sinh viên thực hiện đồ án dựa trên năng lực và niềm yêu thích đối với bộ môn này.

- [DE39013] Đồ án Đồ họa hệ thống ----- 2[1.1.3]
- + Đồ án đồ họa hệ thống là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thương hiệu và TK nhận dạng thương hiệu của một công ty, SP hay dịch vụ, bao gồm logo và bộ ứng dụng văn phòng. Thông qua đồ án sinh viên được tìm tòi và trải nghiệm, rèn luyện năng lực tư duy, quan sát, khái quát, cách điệu, ước lệ hình ảnh. Sinh viên được khuyến khích tự do bày tỏ quan điểm, cảm xúc, và niềm yêu thích của mình về một lĩnh vực đề tài và cùng với giáo viên hướng dẫn định hướng phát triển hoàn thiện đồ án.
- [DE39016] Đồ án Minh họa ----- 2[1.1.3]
- + Đồ án minh họa là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về lịch sử của ngành Illustration. Những hiểu biết cần thiết trong quy trình sáng tác, minh họa. Rèn luyện tư duy và cái nhìn tổng quan trước khi bắt đầu công việc minh họa một SP, câu chuyện. Phát triển kỹ năng vẽ sketch, tạo lập câu chuyện, nắm bắt hình ảnh khái quát. Cập nhật các xu hướng và ứng dụng của ngành Illustration với nhu cầu xã hội, làm sao để trở thành một Illustrator chuyên nghiệp.
- [DE39017] Đồ án Quảng cáo ----- 2[1.1.3]
- + Đồ án quảng cáo là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và phương pháp TK ứng dụng trong quảng cáo. Thông qua môn học sinh viên nắm rõ những khái niệm và chức năng của từng SP TK nhằm mục đích hỗ trợ bán hàng trong một chiến dịch quảng cáo như poster, print ads, billboard, wobblers, leaflet, standee, banner, bandrole, hanging, ...
- [DE33019] Đồ án Bao bì ----- 2[1.1.3]
- + Đồ án bao bì là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bao bì. Sinh viên thực hiện bài tập dựa trên cơ sở bài giảng về các loại bao bì, thể loại hộp đựng, ... theo kiểu dáng hiện đại, đi cùng nhãn mác của bao bì và phần thể tích của bao bì. Sinh viên phải thể hiện đầy đủ thông tin về hình ảnh, nội dung mà các loại bao bì phải có. Các bài thực tập có kích thước như thật, thành phẩm hoàn toàn như thật, ...
- [DE33020] Đồ án Dàn trang ----- 2[1.1.3]
- + Đồ án dàn trang là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về headline, subheadline, intro, description, bodytext, quote, heater & footer. Nhấn mạnh yêu cầu về bố cục, màu sắc, hình ảnh, guideline, font chữ. Hướng dẫn những tạp chí đạt chuẩn, mang tính thẩm mỹ cao qua các tạp chí. Về quy trình hình thành một tờ báo, tạp chí. Các kiến thức căn bản về biên tập nội dung, hình ảnh, cách sắp xếp và trình bày mangset của một tạp chí và các nội dung bên trong, ...
- [DE33023] Đồ án tự chọn TK Đồ họa ----- 2[1.1.3]
- + Chọn một trong những môn học sau:
- [DE33025] Đồ án Tổ chức sự kiện ----- 2[1.1.3]
  - [DE33026] Đồ án TK web ----- 2[1.1.3]
  - [DE33027] Đồ án Quảng cáo tương tác ----- 2[1.1.3]
- [DE33022] Đồ án tổng hợp TK Đồ họa ----- 3[1.2.5]
- + Đồ án tổng hợp là đồ án cuối cùng trong hệ thống Đồ án chuyên ngành của sinh viên ngành TK Đồ họa. Ở đồ án này là dịp để sinh viên ôn luyện và thực hành lại tất cả các kiến thức, kỹ năng đã học trong các đồ án trước đó. Sinh viên phải học qua các kỹ năng ở đồ án trước như đồ án chữ tín hiệu, hệ thống, poster, minh họa, bao bì, dàn trang, ...
- + Giới hạn lĩnh vực đề tài của sinh viên chọn trong nhóm đề tài về thương hiệu, sự kiện.

[DE33018]	Chuyên đề 1_TK Đồ họa-----	2[1.1.3]
+	Chọn một trong những môn học sau:	
-	[DE09024] Nghệ thuật trang trí công cộng -----	2[1.1.3]
-	[DE09028] Xây dựng quy trình TK thời trang -----	2[1.1.3]
-	[DE09030] Nghệ thuật bố cục trình bày-----	2[1.1.3]
-	[DE09036] Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày SP -----	2[1.1.3]
[DE33021]	Chuyên đề 2_TK Đồ họa-----	2[1.1.3]
+	Chọn một trong những môn học sau:	
-	[DE09037] Phong thủy -----	2[1.1.3]
-	[DE09038] Ứng dụng kỹ thuật thể hiện tranh in đương đại-----	2[1.1.3]
-	[DE09039] Phương pháp nhận diện ADN của thương hiệu-----	2[1.1.3]
-	[DE19012] Phương pháp tìm ý trong TK SP -----	2[1.1.4]

### Nhóm môn học của chuyên ngành TK nội thất

[DE43022]	Lịch sử kiến trúc nội thất-----	3[2.1.6]
+	Nội dung của học phần cung cấp kiến thức cơ bản về lịch sử kiến trúc – nội thất thế giới qua các thời kỳ từ Cổ đại đến hiện đại. Sinh viên sẽ nắm được quá trình hình thành và phát triển của một số nền kiến trúc – nội thất tiêu biểu, sự tác động ảnh hưởng của nền văn hóa lên các phong cách kiến trúc – nội thất.	
[DE49005]	Văn hóa và phong cách trong TK nội thất-----	3[2.1.5]
+	Môn học cơ sở kết hợp giữa truyền thụ lý thuyết chuyên ngành - thảo luận phân biện và thực hành bài tập. Qua môn học này sinh viên bước đầu tiếp cận, làm quen các khái niệm chuyên ngành như văn hóa, phong cách, xu hướng và qua đó vận dụng các phương pháp tìm kiếm phát triển ý tưởng, xây dựng "câu chuyện" cho các TK của mình từ đơn giản đến hoàn thiện.	
[DE49001]	Kỹ thuật mô hình nội thất-----	3[1.2.4]
+	Khái niệm chung về hình khối. Các bài tập vận dụng dạng hình khối. Phương pháp thể hiện mô hình hình khối từ bản vẽ đến mặt bằng thực tế. Kỹ thuật sử dụng dụng cụ, vật liệu mô hình. Kỹ năng cộng tác làm việc nhóm ở bài thi cuối kỳ.	
[DE49002]	Mô tuýp và màu sắc trong TK nội thất-----	3[2.1.5]
+	Mô tuýp và màu sắc trong TK nội thất là môn học trang bị kiến thức cho sinh viên về các nguyên tắc phối màu cơ bản, ứng dụng các nguyên tắc phối màu vào không gian nội thất cụ thể.	
+	Môn học không chỉ rèn luyện người học cách quan sát, phân tích và sử dụng màu sắc, ... kết hợp màu sắc, vật liệu và chi tiết TK theo một hệ thống nhất mà còn giúp người học phát triển sáng tác từ những hình cơ bản và ứng dụng chúng vào chuyên ngành TK nội thất.	
+	Thông qua môn học, sinh viên ý thức được vai trò của người làm thiết kế, tự học, tự nghiên cứu để bổ sung kiến thức chuyên ngành, thường xuyên cập nhật xu hướng TK mới trên thế giới, xu hướng sử dụng màu, phong cách thiết kế, ...	
[DE49004]	Nguyên lý TK nội thất-----	3[2.1.5]
+	Tổng quan về lịch sử ngành. Các nguyên lý TK chuyên ngành.	
+	Sinh viên thực hiện các đề tài nghiên cứu, seminar và các bài tập ứng dụng nguyên lý TK vào không gian cụ thể.	
+	Những nguyên lý bố cục 3D. Bài tập thực hành về nguyên lý nội thất. Những nguyên lý TK nội thất đại cương về không gian, giao thông trong nội thất, chất liệu và cấu trúc nội thất, ...	

- [DE49008] Nhận diện thương hiệu ----- 2[1.1.4]
- + Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về thương hiệu; tính chất của thương hiệu, cách thức xây dựng và nhận diện thương hiệu; định vị thương hiệu và quản lý thương hiệu trong quá trình kinh doanh. Từ đó, nhận thức được tầm quan trọng của việc TK các SP hình ảnh đảm bảo phù hợp với nhận diện thương hiệu.
- [DE49006] Vật liệu nội thất ----- 3[2.1.5]
- + Lý thuyết về tính chất, phương pháp chế tác và ứng dụng của vật liệu nội thất. Các thông tin về giá cả, thi công của vật liệu trên thị trường thực tế. Bài tập nhỏ ứng dụng vật liệu. Tiểu luận nghiên cứu về một vật liệu và ứng dụng
- [DE49010] Cấu tạo nội thất ----- 3[2.1.5]
- + Các kiến thức về cấu tạo không gian kiến trúc, nội thất và đồ đạc (sàn, tường, trần, cửa đi, cửa sổ, cầu thang, tang thiết bị và đồ đạc nội thất, ...), quy ước về ký hiệu trên bản vẽ, kỹ năng thể hiện bản vẽ cấu tạo nội thất hoàn chỉnh (bản vẽ thi công). Thực hành hệ thống bài tập nhỏ, hay bài tập nhỏ kết hợp tham quan xưởng chế tác đồ gỗ.
- [DE49016] Nghệ thuật chiếu sáng ----- 3[2.1.6]
- + TK chiếu sáng nội thất là một phần trong lĩnh vực nghiên cứu về chiếu sáng của kiến trúc và kỹ thuật công trình. Mục tiêu môn học là đảm bảo cho công trình nội ngoại thất được chiếu sáng theo 3 tiêu chí:
    - Vừa đảm bảo công năng chiếu sáng phù hợp loại công trình và mục đích sử dụng.
    - Vừa thỏa mãn tính thẩm mỹ, ý đồ thiết kế.
    - Vừa tiết kiệm về năng lượng và chi phí sử dụng.
  - + Môn học đặc biệt nhấn mạnh vào tiêu chí thứ hai: mối quan hệ các thành phần trong chiếu sáng nội ngoại thất, cách sử dụng kết hợp các thành phần đó để tạo ra hiệu quả về thị giác, tâm lý khác nhau. Từ đó trang bị cho sinh viên có kiến thức và ý thức sử dụng ánh sáng như một thành phần trong thiết kế.
- [DE09012] Hình họa chuyên ngành 1 \_TK Nội thất ----- 3[1.2.4]
- + Hình họa chuyên ngành 1 – TK Nội thất 1 là môn học cơ sở ngành, nhằm cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản, liên quan đến việc phác họa không gian cũng như diễn họa vật liệu trong TK nội thất. Thông qua môn học, sinh viên được thực hành phác họa không gian 1 điểm tụ, 2 điểm tụ. Ngoài ra, sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng diễn tả một số vật liệu như: thủy tinh, kính, gỗ, đá, gạch... thông qua mẫu diễn họa tiêu biểu. Cuối học kỳ, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức và kỹ năng có được để thể hiện bài diễn họa không gian thực tế kèm theo một vài SP nội thất thường gặp.
- [DE09017] Hình họa chuyên ngành 2 \_TK Nội thất ----- 3[1.2.4]
- + Hình họa chuyên ngành 2 – TK Nội thất là môn học cơ sở ngành tiếp theo Hình họa chuyên ngành 1 – TK Nội thất, tiếp tục đi sâu vào việc cung cấp kiến thức và kỹ năng liên quan đến việc diễn họa những không gian nội thất hoàn chỉnh ở cấp độ phức tạp hơn. Thông qua môn học, sinh viên được thực hành phân tích và phác họa tổ hợp khối để dễ dàng phân tích tổ hợp cấu trúc của không gian nội thất ngoài thực tế. Ngoài ra, sinh viên sẽ tiếp tục được rèn luyện kỹ năng diễn tả những không gian nội thất cụ thể như nhà ở, văn phòng, dịch vụ giải trí... thông qua các mẫu diễn họa tiêu biểu. Cuối học kỳ, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức và kỹ năng diễn họa có được để thể hiện bài diễn họa không gian thực tế ngoài trời.
- [DE49003] Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 1 ----- 3[1.2.4]

- + Các tiêu chuẩn và quy ước của bản vẽ kỹ thuật. Các kỹ thuật thể hiện bản vẽ bằng các chất liệu khác nhau (bút chì, bút kim, màu bột, màu nước, bút sáp, marker, ...), cách bố cục các thành phần trong bản vẽ đồ án. Bài tập nhỏ: các bản vẽ tại lớp, thể hiện bản vẽ 2D, 3D bằng các chất liệu khác nhau Bài tập lớn: thể hiện hoàn chỉnh một bản vẽ đồ án cụ thể.

[DE49007] Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 2----- 3[1.2.4]

- + Nội dung của học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các lệnh, thao tác, quy trình làm việc với phần mềm 3DS Max và Vray để vận dụng thực hiện các ý tưởng TK không gian Nội – Ngoại thất.

[DE49013] Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 3----- 3[1.2.4]

- + Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các lệnh, thao tác, quy trình làm việc với phần mềm SketchUp để vận dụng thực hiện ý tưởng TK không gian Nội – Ngoại thất.

[DE43018] Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 4----- 3[1.2.4]

- + Nội dung môn học gồm hai phần:
  - Ôn tập các kiến thức cơ bản về triển khai bản vẽ kỹ thuật và
  - Bổ sung các kiến thức nâng cao trong việc sử dụng phần mềm AutoCAD, các kỹ thuật chuyên biệt trong việc phối hợp với các phần mềm khác như 3DS Max, Photoshop để vận dụng triển khai và trình bày hồ sơ bản vẽ cho đồ án TK nội thất.

[DE49011] Đồ án Ngoại thất sân vườn công viên----- 2[1.1.3]

- + Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của công trình sân vườn công viên. Sự tương đồng và khác biệt trong phong cách TK cảnh quan giữa phương Đông và phương Tây, sơ lược các kỹ năng thực hiện mô hình ngoại thất. Sinh viên TK và thể hiện ý tưởng TK bằng mô hình và bản vẽ phụ trợ.

[DE49012] Đồ án Nội thất công trình nhà ở----- 2[1.1.3]

- + Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của công trình nhà ở, lịch sử phát triển của các phong cách TK nội thất nhà ở và xu hướng TK gần nhất. Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm TK theo cá nhân hoặc theo nhóm. Sinh viên ứng dụng đề tài nghiên cứu để thực hiện bản vẽ TK một không gian nội thất nhà ở cụ thể.

[DE49014] Đồ án Nội thất công trình Trưng bày - Thương mại ----- 2[1.1.3]

- + Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của công trình nội thất trưng bày, lịch sử phát triển của các phong cách TK nội thất trưng bày và xu hướng TK gần nhất. Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm TK theo cá nhân hoặc theo nhóm. Sinh viên ứng dụng đề tài nghiên cứu để thực hiện bản vẽ TK một không gian nội thất trưng bày cụ thể

[DE49015] Đồ án Nội thất công trình văn phòng----- 2[1.1.3]

- + Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của công trình nội thất văn phòng công sở, lịch sử phát triển của các phong cách TK nội thất văn phòng công sở và xu hướng TK gần nhất.
- + Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm TK theo cá nhân hoặc theo nhóm. Sinh viên ứng dụng đề tài nghiên cứu để thực hiện bản vẽ TK một không gian nội thất văn phòng cụ thể.

[DE43019] Đồ án Nội thất công trình dịch vụ giải trí----- 2[1.1.3]

- + Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của công trình nội thất dịch vụ giải trí, lịch sử phát triển của các phong cách TK nội thất dịch vụ giải trí và xu hướng TK gần nhất. Giảng

NG  
 TO  
 NG  
 GO

viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình báo vệ quan điểm TK theo cá nhân hoặc theo nhóm.

[DE43020] Đồ án Nội thất công trình văn hóa giáo dục----- 2[1.1.3]

- + Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của công trình nội thất văn hóa giáo dục, lịch sử phát triển của các phong cách TK nội thất văn hóa giáo dục và xu hướng TK gần nhất. Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình báo vệ quan điểm TK theo cá nhân hoặc theo nhóm.

[DE43024] Đồ án tự chọn\_TK Nội thất----- 2[1.1.3]

- + Chọn một trong những môn học sau:
  - [DE43025] Đồ án SP tái chế----- 2[1.1.3]
  - [DE43026] Đồ án Tổ chức sự kiện----- 2[1.1.3]
  - [DE43027] Đồ án Tạo dáng SP nội thất----- 2[1.1.3]

[DE43023] Đồ án tổng hợp\_TK Nội thất----- 3[1.2.5]

- + Sinh viên tự chọn đề tài và nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên viết tóm tắt nội dung đề tài và nội dung ứng dụng thực tiễn đề tài, thuyết trình trước hội đồng phản biện.
- + Sinh viên TK ứng dụng vào công trình cụ thể, trình bày trên bản vẽ khổ A1.

[DE43017] Chuyên đề 1\_TK Nội thất----- 2[1.1.3]

- + Chọn một trong những môn học sau:
  - [DE09024] Nghệ thuật trang trí công cộng----- 2[1.1.3]
  - [DE09028] Xây dựng quy trình TK thời trang----- 2[1.1.3]
  - [DE09030] Nghệ thuật bố cục trình bày----- 2[1.1.3]
  - [DE09036] Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày SP----- 2[1.1.3]

[DE43021] Chuyên đề 2\_TK Nội thất----- 2[1.1.3]

- + Chọn một trong những môn học sau:
  - [DE09037] Phong thủy----- 2[1.1.3]
  - [DE09038] Ứng dụng kỹ thuật thể hiện tranh in đương đại----- 2[1.1.3]
  - [DE09039] Phương pháp nhận diện ADN của thương hiệu----- 2[1.1.3]
  - [DE19012] Phương pháp tìm ý trong TK SP----- 2[1.1.4]

### **Nhóm môn Bài thi tốt nghiệp**

Thực tập tốt nghiệp----- 2[0.2.2]

- + Thực tập tốt nghiệp tạo điều kiện cho sinh viên được làm quen với môi trường làm việc thực tế, ứng dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể tại một doanh nghiệp để khi ra trường có được một nền tảng kinh nghiệm nhất định. Đồng thời giúp cho sinh viên tiếp xúc trực tiếp với các doanh nghiệp, cơ sở thuộc chuyên môn để từ đó có được hướng lựa chọn nơi làm việc phù hợp sau khi tốt nghiệp.
- + Bên cạnh đó, Thực tập Tốt nghiệp được triển khai với mục đích khảo sát và lấy số liệu, dữ kiện từ thực tiễn nhằm hỗ trợ cho phần nghiên cứu của Đồ án tốt nghiệp.

Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp----- 7[0.7.7]

- + Sinh viên hoàn thành đồ án này sẽ chứng minh được khả năng tự đặt ra vấn đề liên quan đến ngành nghề và giải quyết vấn đề sao cho hiệu quả theo cách riêng của mình. Sinh viên tiếp tục nghiên cứu sâu hơn một trong những hướng phát triển từ đồ án nghiên cứu, đồ án tổng hợp và nghiên cứu chuyên đề từ đó thể hiện kiến thức tổng hợp, kỹ năng

- chuyên ngành và thái độ nghề nghiệp cho bài đồ án cuối cùng trước khi tốt nghiệp ra trường đủ chất lượng chuyên môn đáp ứng nhu cầu xã hội.
- + Sinh viên tự chọn đề tài nghiên cứu thông qua đề cương tốt nghiệp sự hướng dẫn của giảng viên.
  - + Sinh viên tự thực hiện đồ án tốt nghiệp cùng với sự hướng dẫn của giảng viên và khuyến khích sinh viên lựa chọn những đề tài gắn với thực tiễn xã hội. Sinh viên nộp bản in phần thuyết minh đề tài và bản vẽ thiết kế, ảnh, mô hình hoặc SP mẫu.

**14. Chương trình đào tạo được rà soát, cập nhật và thông qua:**

- + Lần thứ nhất: -----Tháng 08/2017
- + Lần thứ hai (thay đổi nhóm môn chính trị): -----Tháng 09/2019
- + Lần thứ ba (hướng dẫn thực hiện) -----Tháng 09/2020
- + Lần thứ tư (điều chỉnh chuyên ngành Thiết kế Sản phẩm)-----Tháng 10/2021

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2021

**TM. Ban chủ nhiệm Khoa**

**Hiệu trưởng**




PGS. TS. ĐỖ LỆNH HÙNG TÚ

PGS. TS. CAO HÀO THI

ĐÀO TẠO





STT	HỌC KỲ	MÔN	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC THỰC HÀNH	MÔN HỌC THỰC TẾ	MÔN SỐ LÝ THUYẾT										MÔN SỐ THỰC HÀNH										PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ						MÔN DỰ ĐÁNH TIẾP THEO MÔN HỌC ĐẦU CÚI TRONG MÔN ĐÀO TẠO	TỔNG MÔN HỌC ĐÀO TẠO		
						MÔN SỐ LÝ THUYẾT										MÔN SỐ THỰC HÀNH										ĐIỂM SỐ		TỶ LỆ							
						Môn 07	Môn 08	Môn 09	Môn 10	Môn 11	Môn 12	Môn 13	Môn 14	Môn 15	Môn 16	Tổng giờ	Lý thuyết	Thực hành	Môn 17	Môn 18	Môn 19	Môn 20	Môn 21	Môn 22	Môn 23	Môn 24	Môn 25	Điểm số	Tỷ lệ	Điểm số	Tỷ lệ				
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34		
01	01	AA1001	Tư duy đại chúng và thương hiệu	01	01	40(1.7)	4	1	1	0	1	0	0	0	1	75	65	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
02	01	GS1001	Tiếng Anh 1	02	01	20(1.0)	2	0	0	1	0	0	0	0	0	40	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
03	01	GS1002	Tư duy sáng tạo - Tư duy	03	01	20(0.9)	3	1	0	0	0	0	0	0	0	40	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
04	01	GS1003	Kỹ năng trình bày - Giáo dục	04	01	20(0.9)	2	1	0	0	0	0	0	0	0	30	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
05	01	GS1004	Thiết kế cơ bản	05	01	20(0.9)	2	2	0	0	0	0	0	0	0	30	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
06	01	GS1005	Thiết kế 1	06	01	30(1.4)	3	1	0	0	1	1	0	0	0	60	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
07	01	GS1006	Thiết kế ứng dụng và Việt Nam	07	01	30(1.4)	3	2	0	0	0	0	0	0	0	60	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
08	01	GS1007	Thiết kế 2	08	01	30(1.4)	3	2	1	0	0	0	0	0	0	60	30	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
09	02	GS1008	Giáo dục thể chất 1	09	02	00(0.0)	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
10	02	GS1009	Giáo dục thể chất 2	10	02	00(0.0)	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
11	02	GS1010	Tiếng Anh 2	11	02	20(1.0)	2	1	0	1	0	0	0	0	0	40	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
12	02	GS1011	Thiết kế 3	12	02	20(1.0)	2	1	0	0	1	0	0	0	0	40	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
13	02	GS1012	Thiết kế 4	13	02	30(1.4)	3	1	0	0	1	1	0	0	0	60	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
14	02	GS1013	Vật lý thực hành	14	02	30(1.4)	3	2	0	0	1	0	0	0	0	60	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
15	02	GS1014	Thiết kế ứng dụng	15	02	40(1.8)	4	0	0	0	0	1	0	0	0	80	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
16	02	GS1015	Kỹ thuật vẽ mẫu đồ án thời trang 1	16	02	30(1.4)	3	1	1	0	0	0	0	0	0	60	15	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
17	02	GS1016	Mỹ thuật và mẫu áo trong thiết kế đồ thời trang	17	02	30(1.4)	3	1	1	0	0	1	0	0	0	75	15	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
18	02	GS1017	Kỹ thuật vẽ mẫu 1	18	02	30(1.4)	3	1	0	0	1	1	0	0	0	75	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
19	02	GS1018	Giáo dục thể chất 3	19	02	00(0.0)	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
20	02	GS1019	Giáo dục thể chất 4	20	02	00(0.0)	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
21	02	GS1020	Tiếng Anh 3	21	02	30(1.4)	3	1	0	1	0	0	0	0	0	45	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
22	02	GS1021	Thiết kế ứng dụng và Việt Nam	22	02	30(1.4)	3	2	0	0	0	0	0	0	0	60	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
23	02	GS1022	Mẫu họa cụ thể ngành 1, 14, Thời trang	23	02	30(1.4)	3	1	0	0	1	1	0	0	0	75	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
24	02	GS1023	Kỹ thuật vẽ mẫu thời trang 1	24	02	30(1.4)	3	1	1	0	0	1	0	0	0	75	15	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
25	02	GS1024	Kỹ thuật vẽ mẫu đồ án thời trang 2	25	02	30(1.4)	3	1	1	0	0	1	0	0	0	75	15	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
26	02	GS1025	Nguyên lý thiết kế đồ thời trang	26	02	30(1.4)	3	1	1	0	1	0	0	0	0	75	15	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
27	02	GS1026	Vấn đề và phong cách trong thiết kế đồ thời trang	27	02	30(1.4)	3	1	1	0	0	1	0	0	0	75	15	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
28	02	GS1027	Kỹ thuật vẽ mẫu 2	28	02	30(1.4)	3	1	1	0	0	1	0	0	0	75	15	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
29	02	GS1028	Giáo dục quốc phòng (ĐTB)	29	02	00(0.0)	0	0	1	0	2	0	0	0	0	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
30	02	GS1029	Tiếng Anh 4	30	02	20(1.0)	2	1	0	1	0	0	0	0	0	40	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
31	02	GS1030	Thiết kế ứng dụng và Việt Nam	31	02	30(1.4)	3	2	0	0	0	0	0	0	0	60	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
32	02	GS1031	Thiết kế ứng dụng và Việt Nam	32	02	30(1.4)	3	1	0	0	1	0	0	0	0	40	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
33	02	GS1032	Mẫu họa cụ thể ngành 2, 14, Thời trang	33	02	30(1.4)	3	1	0	0	1	1	0	0	0	60	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
34	02	GS1033	Vấn đề và phong cách trong thiết kế đồ thời trang	34	02	30(1.4)	3	1	1	0	0	1	0	0	0	75	15	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
35	02	GS1034	Kỹ thuật vẽ mẫu thời trang 2	35	02	30(1.4)	3	1	1	0	0	1	0	0	0	75	15	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
36	02	GS1035	Thiết kế ứng dụng và Việt Nam	36	02	30(1.4)	3	2	0	0	0	2	0	0	0	90	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
37	02	GS1036	Nguyên lý thiết kế đồ thời trang	37	02	30(1.4)	3	1	0	0	0	1	0	0	0	75	15	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
38	02	GS1037	Vấn đề và phong cách trong thiết kế đồ thời trang	38	02	30(1.4)	3	1	0	0	1	0	0	0	0	75	15	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
39	02	GS1038	Kỹ thuật vẽ mẫu 2	39	02	30(1.4)	3	1	0	0	0	0	0	0	0	75	15	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
40	02	GS1039	Thiết kế ứng dụng và Việt Nam	40	02	30(1.4)	3	2	0	0	0	0	0	0	0	60	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
41	02	GS1040	Thiết kế ứng dụng và Việt Nam	41	02	20(1.0)	2	2	0	0	0	0	0	0	0	40	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
42	02	GS1041	Thiết kế ứng dụng và Việt Nam	42	02	30(1.4)																													



STT	HỌC KỲ	KHỐI	TÊN HỌC PHẦN	SỐ CREDIT	SỐ BƯỚC HỌC TẬP (SỐ BƯỚC)	HÀNG SỐ TÍCH CỰC										HÀNG SỐ SƠ BỘ										HƯỚNG THỰC HIỆN CHỈ ĐIỂN ĐẶC BIỆT, CHỈ TRÁI THỀ						HÌNH THỨC KIỂM TRA	ĐỒ BỒI DƯỠNG HOẶC CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC			
						HÀNG SỐ TÍCH CỰC										HÀNG SỐ SƠ BỘ										SỐ CREDIT		SỐ CREDIT								
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26			27	28	29
01	HK1	AA19001	Tư duy đa chiều và tư duy sáng tạo	1(1)	001	4(1,1,1)	4	3	0	0	1	0	0	0	0	0	75	45	0	0	30	0	0	0	0	100	20	30	50	TH	TH			[PM]	[AA01]	
02	HK1	0819001	Tổng Anh 1	1(1)	001	2(1,1)	2	1	0	1	0	0	0	0	0	0	45	15	0	30	0	0	0	0	0	45	15	20	70	VD	TN	15	70	[PM]	[0801]	
03	HK1	0519001	Thiết kế Mực - Màu	1(1)	001	3(0,0,0)	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45	45	0	0	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	40	60	[TL]	[0501]	
04	HK1	0519002	Kỹ thuật in Mực - Màu	1(1)	001	2(0,0,0)	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30	30	0	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	40	60	[TL]	[0502]	
05	HK1	0019001	Đạo đức công nghiệp	1(1)	001	3(0,0,0)	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	30	30	0	0	0	0	0	0	0	60	10	10	60	TL	TL	10	70	[TL]	[0010]	
06	HK1	0019002	Thiết kế 1	1(1)	001	3(1,2,0)	3	1	0	0	1	0	0	0	0	0	60	15	0	0	30	40	0	0	0	0	60	20	30	50	TH	TH			[TL]	[0010]
07	HK1	0019003	Lịch sử nghệ thuật Thiết kế và Việt Nam	1(1)	001	3(0,0,0)	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45	45	0	0	0	0	0	0	0	90	10	20	70	VD	TL			[TL]	[0010]	
08	HK1	0019004	Nguyên lý cơ giới	1(1)	001	3(1,1,0)	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	45	10	10	0	0	0	0	0	0	0	60	10	30	60	VD	TN			[TL]	[0010]
09	HK2	0519001	Thiết kế đồ họa 1	1(1)	001	4(1,1,1)	4	0	0	0	1	0	0	0	0	0	30	0	0	0	30	0	0	0	0	0	30	30	70					[SA]	[0501]	
10	HK2	0519002	Thiết kế đồ họa 2	1(1)	001	4(1,1,1)	4	0	0	0	1	0	0	0	0	0	30	0	0	0	30	0	0	0	0	0	30	30	70					[SA]	[0502]	
11	HK2	0519003	Tổng Anh 2	1(1)	001	2(1,1)	2	1	0	1	0	0	0	0	0	0	45	15	0	30	0	0	0	0	0	45	15	20	70	VD	TN	15	70	[PM]	[0802]	
12	HK2	0019005	Định nghĩa	1(1)	001	2(1,1)	2	1	0	0	1	0	0	0	0	0	45	15	0	30	0	0	0	0	0	45	15	20	70	VD	TN	15	70	[TL]	[0010]	
13	HK2	0019006	Thiết kế 2	1(1)	001	3(1,2,0)	3	1	0	0	1	0	0	0	0	0	60	15	0	0	30	40	0	0	0	0	60	20	30	50	TH	TH			[TL]	[0010]
14	HK2	0019007	Nhà máy	1(1)	001	3(1,1)	3	2	0	0	1	0	0	0	0	0	60	30	0	0	30	0	0	0	0	0	75	15	20	70	HT	VD			[TL]	[0010]
15	HK2	0019008	Đặc tả công nghệ	1(1)	001	1(1,1)	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[SA]	[0010]
16	HK2	0019001	Kỹ thuật vẽ hình đồ họa	1(1)	001	3(1,2,0)	3	1	0	0	2	0	0	0	0	0	75	15	0	0	60	0	0	0	0	0	60	10	40	50	TH	TH			[TL]	[0010]
17	HK2	0019002	Kỹ thuật vẽ hình đồ họa đồ họa 1	1(1)	001	3(1,2,0)	3	1	0	0	2	0	0	0	0	0	75	15	0	0	60	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TH	TH			[PM]	[0010]
18	HK2	0019003	Mô hình và màu sắc trong thiết kế đồ họa	1(1)	001	3(1,1,0)	3	2	0	0	1	0	0	0	0	0	60	30	0	0	30	0	0	0	0	0	75	10	40	30	TH	TH			[TL]	[0010]
19	HK2	0019004	Giáo dục thể chất 1	1(1)	001	0(0,0,0)	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	30	0	0	0	30	0	0	0	0	0	30	30	70					[SA]	[0010]	
20	HK2	0019005	Giáo dục thể chất 2	1(1)	001	0(0,0,0)	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	30	0	0	0	30	0	0	0	0	0	30	30	70					[SA]	[0010]	
21	HK2	0019006	Định Nghĩa 2	1(1)	001	3(1,1,0)	3	1	0	0	2	0	0	0	0	0	45	15	0	30	0	0	0	0	0	0	60	10	30	70	VD	TN	15	70	[PM]	[0803]
22	HK2	0019007	Chuyên ngành Thiết kế đồ họa	1(1)	001	3(1,0,0)	3	2	0	0	1	0	0	0	0	0	30	30	0	0	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	40	60	[TL]	[0010]
23	HK2	0019008	Thiết kế chuyên ngành 1 - KỸ THUẬT	1(1)	001	3(1,2,0)	3	1	0	0	1	0	0	0	0	0	60	15	0	0	30	40	0	0	0	0	60	10	30	50	TH	TH			[TL]	[0010]
24	HK2	0019009	Kỹ thuật vẽ hình đồ họa đồ họa 2	1(1)	001	3(1,2,0)	3	1	0	0	2	0	0	0	0	0	75	15	0	0	60	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TH	TH			[TL]	[0010]
25	HK2	0019010	Mô hình đồ họa	1(1)	001	3(1,2,0)	3	1	0	0	2	0	0	0	0	0	75	15	0	0	60	0	0	0	0	0	60	10	30	50	TH	TH			[TL]	[0010]
26	HK2	0019011	Nghệ thuật chữ	1(1)	001	3(1,1,0)	3	2	0	0	1	0	0	0	0	0	60	30	0	0	30	0	0	0	0	0	75	10	40	20	TH	TH			[TL]	[0010]
27	HK2	0019012	Nguyên lý thiết kế đồ họa	1(1)	001	3(1,1,0)	3	1	1	0	0	0	0	0	0	0	60	15	15	0	0	0	0	0	0	0	60	10	40	50	VD	TH			[PM]	[0010]
28	HK2	0019013	Nhà máy và phong cách trong thiết kế đồ họa	1(1)	001	3(1,2,0)	3	1	0	0	2	0	0	0	0	0	75	15	0	0	60	0	0	0	0	0	60	10	40	50	TH	TH			[TL]	[0010]
29	HK2	0019014	Giáo dục quốc phòng (10)	1(1)	001	0(1,1,0)	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	10	10	0	0	0	0	0	0	0	0	10	10	10	10	10	10	10	10	[SP]	[0010]
30	HK2	0019015	Tổng Anh 4	1(1)	001	2(1,1)	2	1	0	0	1	0	0	0	0	0	45	15	0	30	0	0	0	0	0	0	45	15	20	70	VD	TN	15	70	[PM]	[0804]
31	HK2	0019016	Lịch sử công nghiệp Việt Nam	1(1)	001	3(1,0,0)	3	2	0	0	1	0	0	0	0	0	30	30	0	0	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	40	60	[TL]	[0010]
32	HK2	0019017	Nghệ thuật web	1(1)	001	3(1,1,0)	3	1	0	0	1	0	0	0	0	0	45	15	0	0	30	0	0	0	0	0	60	10	30	70	VD	TH			[TL]	[0010]
33	HK2	0019018	Thiết kế chuyên ngành 2 - KỸ THUẬT	1(1)	001	3(1,2,0)	3	1	0	0	1	0	0	0	0	0	60	15	0	0	30	40	0	0	0	0	60	10	40	50	TH	TH			[TL]	[0010]
34	HK2	0019019	Thiết kế chuyên ngành 3	1(1)	001	2(1,1)	2	1	0	0	1	0	0	0	0	0	60	15	0	0	30	0	0	0	0	0	60	10	25	60	VD	TL			[TL]	[0010]
35	HK2	0019020	Quang cáo điện tử	1(1)	001	3(0,0,0)	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45	45	0	0	0	0	0	0	0	0	90	20	30	50	VD	TL			[TL]	[0010]
36	HK2	0019021	Thiết kế chuyên ngành 4	1(1)	001	3(0,2,0)	3	0	0	0	1	0	0	0	0	0	70	0	0	0	0	0	0	0	0	0	70	10	10	10	10	10	10	10	[TL]	[0010]
37	HK2	0019022	Đồ án Đồ họa và truyền thông	1(1)	001	2(1,1)	2	1	0	0	1	0	0	0	0	0	60	15	0	0	30	0	0	0	0	0	45	15	25	60	VD	TL			[TL]	[0010]
38	HK2	0019023	Đồ án Đồ họa và truyền thông	1(1)	001	2(1,1)	2	1	0	0	1	0	0	0	0	0	60	15	0	0	30	0	0	0	0	0	45	15	25	60	VD	TL			[TL]	[0010]
39	HK2	0019024	Phân tích và thiết kế đồ họa	1(1)	001	3(1,1,0)	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	45	30	15	0	0	0	0	0	0	0	90	10	40	50	TN	TN	60	60	[TL]	[0010]
40	HK2	0019025	Trình bày Đồ họa Thiết kế	1(1)	001	2(0,0,0)	2	2	0	0	0																									

STT	HỌC PHẦN	MÔN HỌC	Tên môn học	Môn học trước hoặc đồng thời	Môn học hoặc tài liệu	Môn học bắt buộc													Môn học tự chọn						Chương trình bổ sung (theo hình thức, năm TMA, TĐ)						Yêu cầu đạt kết quả học tập của môn học để có thể đăng ký học các môn tiếp theo	Số môn học/ Môn học bắt buộc					
						Môn học bắt buộc													Chương trình bổ sung (theo hình thức, năm TMA, TĐ)																		
						Mã môn học	Tên môn học	ECTS	Thuyết minh	Đồ án	Thực hành	Tư vấn	Đồ án	Thực hành	Tư vấn	Đồ án	Thực hành	Tư vấn	Thuyết minh	Đồ án	Thực hành	Tư vấn	Thuyết minh	Đồ án	Thực hành	Tư vấn											
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34				
47	080	0430017	Thiết kế Quảng cáo	[4]	[4]	2(1.3)	2	1	0	0	0	0	0	0	0	2	40	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[13]	[14(0)]		
48	080	0430018	Môi trường truyền thông I, K&M&TV	[2]	[2]	2(2.4)	2	1	0	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[17]	[20(0)]	
49	080	0430021	Thiết kế Đồ họa	[3]	[3]	2(1.4)	3	1	0	0	0	0	0	0	0	6	40	30	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[12]	[20(0)]	
50	080	0430022	Môi trường truyền thông	[3]	[3]	2(2.4)	3	1	0	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[17]	[20(0)]	
51	080	0430048	Thiết kế đồ họa 1, TĐ, TĐ học	[3]	[3]	2(1.3)	2	1	0	0	0	0	0	0	0	3	40	25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[17]	[20(0)]	
52	080	0430019	Thiết kế Đồ họa	[4]	[4]	2(1.3)	2	1	0	0	0	0	0	0	0	3	40	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[13]	[20(0)]	
53	080	0430030	Thiết kế Đồ họa	[4]	[4]	2(1.3)	2	1	0	0	0	0	0	0	0	3	40	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[13]	[20(0)]	
54	080	0430021	Thiết kế đồ họa 2, TĐ, TĐ học	[3]	[3]	2(1.4)	2	1	0	0	0	0	0	0	0	3	40	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[17]	[20(0)]	
55	080	0430023	Thiết kế đồ họa, TĐ, TĐ học	[4]	[4]	2(1.3)	3	1	0	0	0	0	0	0	0	0	75	15	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[13]	[20(0)]	
56	080	0430025	Thiết kế đồ họa, TĐ, TĐ học	[4]	[4]	2(1.3)	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	60	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[13]	[20(0)]	
57	080	0430024	Kỹ thuật truyền thông trong thiết kế đồ họa	[4]	[4]	2(1.3)	2	1	0	0	0	0	0	0	0	3	60	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[17]	[20(0)]	
58	080	0430023	Thiết kế đồ họa truyền thông	[5]	[5]	2(2.4)	2	2	0	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[17]	[20(0)]	
59	080	0430031	Thiết kế đồ họa truyền thông	[5,4]	[5]	2(2.2)	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[17]	[20(0)]	
60	080	0430031	Thiết kế đồ họa truyền thông	[5,4]	[5]	2(2.2)	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[17]	[20(0)]	
<b>ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN</b>																																					
61	080	0430011	Kỹ thuật đồ họa truyền thông	[3]	[3]	2(2.4)	2	2	0	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[17]	[20(0)]	
62	080	0430012	Kỹ thuật đồ họa truyền thông	[4]	[4]	2(1.3)	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	45	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[17]	[20(0)]
63	080	0430021	Kỹ thuật đồ họa truyền thông	[2]	[2]	2(1.4)	3	2	1	0	0	0	0	0	0	0	40	30	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[13]	[20(0)]
64	080	0430024	Kỹ thuật đồ họa truyền thông	[3]	[3]	2(1.4)	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	40	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[13]-[13(1)]	[20(0)]
65	080	0430028	Kỹ thuật đồ họa truyền thông	[3]	[3]	2(1.3)	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	45	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[13]-[13(1)]	[20(0)]
66	080	0430030	Kỹ thuật đồ họa truyền thông	[3]	[3]	2(1.3)	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	40	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[13]-[13(1)]	[20(0)]
67	080	0430030	Kỹ thuật đồ họa truyền thông	[3]	[3]	2(1.3)	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	40	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[13]-[13(1)]	[20(0)]
68	080	0430037	Thiết kế đồ họa	[3]	[3]	2(1.3)	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	45	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[13]-[13(1)]	[20(0)]
69	080	0430038	Thiết kế đồ họa truyền thông	[3]	[3]	2(1.3)	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	40	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[13]-[13(1)]	[20(0)]
70	080	0430039	Thiết kế đồ họa truyền thông	[3]	[3]	2(1.3)	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	40	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[13]	[20(0)]
71	080	0430041	Thiết kế đồ họa truyền thông	[3]	[3]	2(1.3)	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	30	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[13]-[13(1)]	[20(0)]
72	080	0430025	Thiết kế đồ họa truyền thông	[4]	[4]	2(1.3)	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	40	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[13]	[20(0)]
73	080	0430026	Thiết kế đồ họa truyền thông	[4]	[4]	2(1.3)	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	40	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[13]	[20(0)]
74	080	0430027	Thiết kế đồ họa truyền thông	[4]	[4]	2(1.3)	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	40	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[13]	[20(0)]

- QUY ƯỚC KÝ HIỆU:**
- CỘT 08:** KẾT KIẾN THỨC
- [1] Kiến thức nền tảng chuyên ngành
  - [2] Kiến thức chuyên ngành
  - [3] Kiến thức liên ngành
  - [4] Kiến thức tích hợp
  - [5] Kiến thức ứng dụng
  - [6] Kiến thức tiên tiến
  - [7] Kiến thức nghiên cứu
  - [8] Kiến thức chuyên ngành
  - [9] Kiến thức liên ngành
  - [10] Kiến thức tích hợp
  - [11] Kiến thức ứng dụng
  - [12] Kiến thức tiên tiến
  - [13] Kiến thức nghiên cứu
  - [14] Kiến thức chuyên ngành
  - [15] Kiến thức liên ngành

- CỘT 09:** MÔN HỌC BẮT BUỘC, TỰ CHỌN
- [01] Môn học bắt buộc
  - [1] Môn học tự chọn
  - [2] Môn học liên ngành - Tự chọn
  - [3] Môn học chuyên ngành
- CỘT 10 & 11:** HÌNH THỨC KIỂM TRA, THI
- [101] Thi viết đáp
  - [102] Thi trắc nghiệm
  - [103] Thi tự luận
  - [104] Thi thực hành
  - [105] Thi báo cáo / Báo cáo / Thi luận
  - [106] Luận án / Báo cáo luận án
  - [107] Nghi luận / Báo cáo / Thi luận
  - [108] Thi trắc nghiệm và tự luận

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2021  
BAN CHỦ NHẬN KHOA CHUYÊN MÔN

PGS. TS. Đỗ Lê Hùng Tú

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2021  
PHỤ TRƯỞNG

PGS. TS. Cao Hòa Thi





